

2017

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

Km 34, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn,
tỉnh Sơn La, Việt Nam

Số điện thoại : (0212) 3843.274

Số fax : (0212) 3843.406

Website : <http://www.miaduongsomla.vn>

2017

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



CÔNG TY CỔ PHẦN

MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

MỤC LỤC

A. MÍA ĐƯỜNG SƠN LA 2016 - 2017	Thư ngỏ của Ban lãnh đạo	1
	Chỉ tiêu tài chính cơ bản niên vụ 2016 - 2017	3
	5 thành tích nổi bật trong niên vụ 2016 - 2017	5
B. TỔNG QUAN CÔNG TY	Thông tin tổng quan	9
	Quá trình hình thành và phát triển	10
	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	11
	Các sản phẩm chính	12
	Mô hình quản trị và bộ máy quản lý	13
	Giới thiệu Ban lãnh đạo công ty	13
	Phân tích điểm mạnh và điểm yếu của công ty	19
	Định hướng và chiến lược phát triển	21
	Những rủi ro mà công ty phải đối mặt	23
C. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2016 - 2017	27
	➢ Tổng quan kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	29
	➢ Tổ chức và nhân sự	31
	➢ Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án	32
	➢ Cổ phần, cổ đông và cổ phiếu SLS	33
	BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	35
	➢ Kết quả sản xuất niên vụ 2016-2017	37
	➢ Tình hình đầu tư và thu nợ đầu tư vùng nguyên liệu mía	38
	➢ Kết quả hoạt động kinh doanh niên độ 2016 – 2017	39
	➢ Kế hoạch sản xuất kinh doanh niên độ 2017-2018	39
	BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	41
	➢ Đánh giá chung về ngành Mía đường	43
	➢ Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty niên độ 2016 - 2017	43
	➢ Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trong niên độ 2016 - 2017	45
	➢ Phương hướng nhiệm vụ hoạt động của Hội đồng quản trị niên độ 2017 – 2018	46



D. QUẢN TRỊ CÔNG TY	Mô hình quản trị công ty	49
	Hội đồng quản trị	51
	Ban kiểm soát	58
	Lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký công ty	59
	Các giao dịch cổ phiếu của người nội bộ, người liên quan của người nội bộ	59
E. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	Các mục tiêu phát triển bền vững	63
	Chương trình chính để thực hiện mục tiêu phát triển bền vững	64
	Công tác bảo vệ môi trường	65
	Công tác lao động, tiền lương và chăm lo đời sống cho người lao động	66
F. BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2016 - 2017	Báo cáo của Ban giám đốc	69
	Báo cáo kiểm toán độc lập	71
	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	73
	Thuyết minh Báo cáo tài chính	77

THƯ NGỎ CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Kính thưa Quý cổ đông cùng Quý khách hàng và đối tác,

Trước hết, Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La xin gửi lời chúc tốt đẹp nhất tới tất cả các vị – những người đã luôn đồng hành cùng công ty trong suốt khoảng thời gian vừa qua.

Trong niên vụ 2016 – 2017, trên bình diện toàn cầu, ngành đường đang ở giai đoạn bão hòa. Theo hãng nghiên cứu thị trường F.O. Licht của Đức, sản xuất và tiêu thụ đường toàn cầu sẽ tiến đến cân bằng và giai đoạn thiếu hụt đường thế giới có khả năng kết thúc trong niên vụ 2017 – 2018. Ngành đường châu Á tập trung vào thâm dụng lao động vì chi phí tiền lương thấp, tuy nhiên khu vực này lại đang dần mất đi lợi thế vì chi phí tiền lương đang tăng lên nhanh chóng, diện tích cánh đồng còn hạn chế và trình độ cơ giới hóa còn thấp dẫn đến chưa tiết kiệm được chi phí sản xuất. Mặt khác, tiêu thụ đường toàn cầu vẫn có xu hướng tăng trưởng ổn định. Sự tăng trưởng dân số khiến các nước châu Á và châu Phi dẫn đầu về lượng tiêu thụ đường với 78% tỷ trọng toàn cầu. Như vậy Châu Á được xem là thị trường tiêu thụ tiềm năng của ngành đường nhưng mức độ khai thác còn chưa hiệu quả. So với ngành đường thế giới, Việt Nam hiện nay đứng thứ 14 về diện tích trồng mía và sản lượng đường, tuy vậy quy mô sản xuất còn khá nhỏ.

Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La được thành lập năm 1997 với nhiệm vụ đầu tư xây dựng vùng nguyên liệu mía 3.500 ha, công suất chế biến 1.000 TMN và sản lượng 10.000 tấn đường trắng RS mỗi năm. Đến nay, diện tích vùng nguyên liệu mía đạt gần 8.000ha; công suất chế biến mía đường 5.000 TMN, sản lượng đường gần 50.000 tấn/vụ sản xuất và công ty là một trong những doanh nghiệp nộp ngân sách lớn hàng đầu của tỉnh Sơn La. Trải qua giai đoạn đầu của quá trình chuyển đổi năm tài chính với nhiều khó khăn và thách thức, niên vụ 2016 – 2017 đã đánh dấu bước chuyển mình của Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La với những thành quả bước đầu:

- Về sản xuất mía nguyên liệu: công ty đặc biệt chú trọng đầu tư cho vùng mía nguyên liệu, đảm bảo hài hòa lợi ích của doanh nghiệp và nông dân nên người trồng mía đã chú tâm hơn trong việc chăm sóc cây mía. Điều này khiến diện tích vùng nguyên liệu đảm bảo giữ vững 6.164,33 ha và sản lượng mía thô tăng 0,1% so với kế hoạch đề ra (đạt mức 386.465 tấn).
- Về sản xuất – chế biến đường: chất lượng thành phẩm hầu hết đạt chuẩn, tuy nhiên vẫn cần khắc phục nhằm giảm nhiệt độ trước khi đóng bao để giảm hiện tượng vón cục.
- Doanh thu đạt 548 tỷ đồng, bằng 93% kế hoạch, lãi trước thuế tăng vọt 164 tỷ đồng, gấp 2,5 lần kế hoạch và tăng mạnh 54% so với cùng kỳ.
- Thu về 99,763% tổng các khoản đầu tư vùng mía nguyên liệu niên vụ 2016 -2017. Số ít còn lại là nợ đầu tư mía vụ thu 2016 chưa đến kỳ thu hoạch và một số diện tích mía vụ 2016 – 2017 năng suất kém sẽ được công ty tiếp tục thu trong niên vụ 2017 -2018.
- Cân đối hợp lý hơn về lượng lao động, chế độ lương thưởng và chăm lo đời sống cho người lao động: tăng 19 lao động so với niên vụ trước nhằm đầu tư cho vùng nguyên liệu mía, xây dựng chế độ lương – thưởng – phúc lợi minh bạch, công bằng và vì lợi ích của cán bộ công nhân viên.

Tuy kết quả của niên vụ vừa qua chưa phản ánh hết tiềm lực của Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La, Ban lãnh đạo vẫn tin tưởng những thành quả của giai đoạn này là điểm tựa khả quan cho sự phát triển của công ty trong khoảng thời gian tiếp tới.

Trải qua chặng đường 20 năm xây dựng và phát triển, Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La đã luôn nhận được sự ủng hộ của Quý cổ đông, khách hàng và đối tác. Với kiến thức và ý chí của các thành viên, công ty luôn hướng tới phương châm hoạt động là mang đến những sản phẩm có giá trị thực sự cho khách hàng; phát triển các vùng nguyên liệu, ứng dụng công nghệ mới thân thiện môi trường, tôn trọng lợi ích của khách hàng, cộng đồng địa phương, các đối tác... Đồng thời, công ty luôn nỗ lực phấn đấu để trở thành doanh nghiệp hàng đầu của tỉnh Sơn La, cam kết đối xử tốt với năm nhóm đối tượng liên quan được hưởng lợi ích kinh doanh: xã hội, đối tác, nhà đầu tư, cộng đồng và nhân viên. Chúng tôi vô cùng biết ơn và trân trọng những giá trị đó.

Niên vụ 2016 - 2017 đã qua đi với nhiều khó khăn và thách thức. Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La hy vọng sẽ cùng các Quý cổ đông, Quý khách hàng và đối tác bước sang một niên vụ mới bằng việc nắm bắt những cơ hội và thành công mới.

Kính chúc tất cả Quý vị hạnh phúc, sức khỏe và thành công!

TRÂN TRỌNG THAY MẶT BAN LÃNH ĐẠO

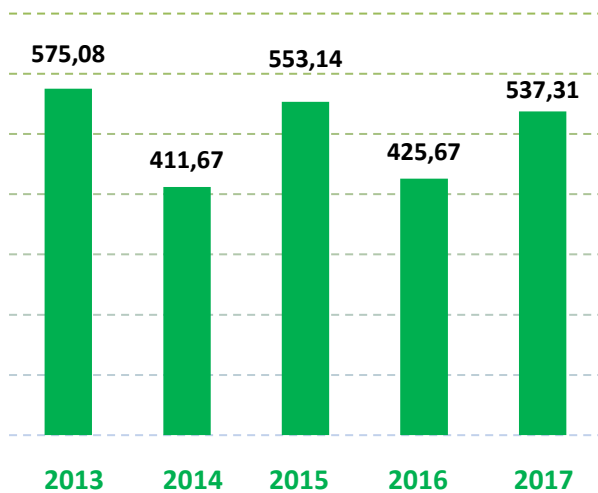
Tổng Giám Đốc

Trần Ngọc Hiếu

◀ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN NIÊN VỤ 2016 – 2017 ▶

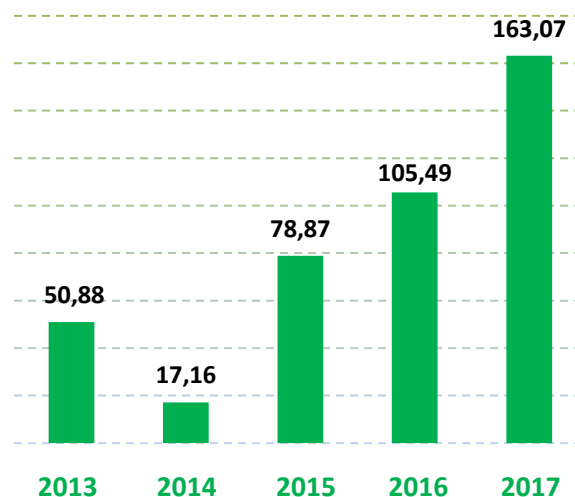
DOANH THU THUẦN

Đơn vị: tỷ đồng



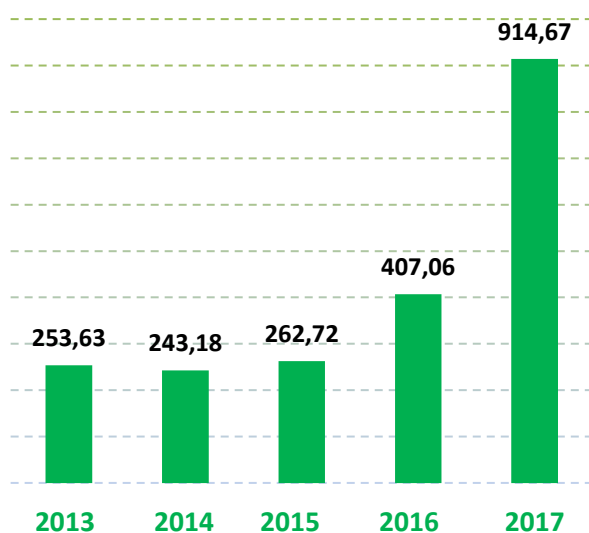
LỢI NHUẬN SAU THUẾ

Đơn vị: tỷ đồng



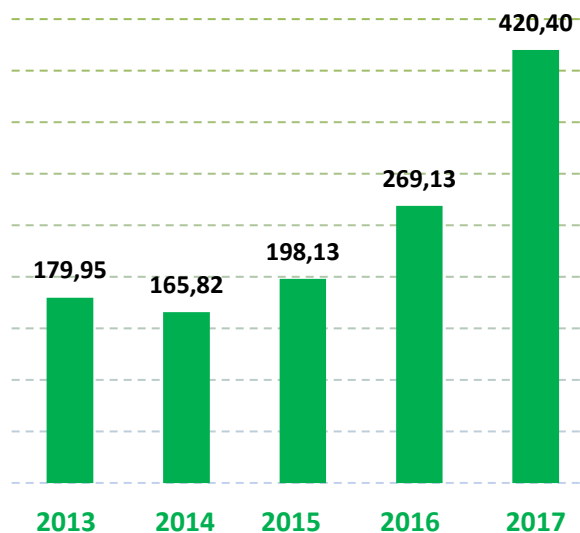
TỔNG TÀI SẢN

Đơn vị: tỷ đồng



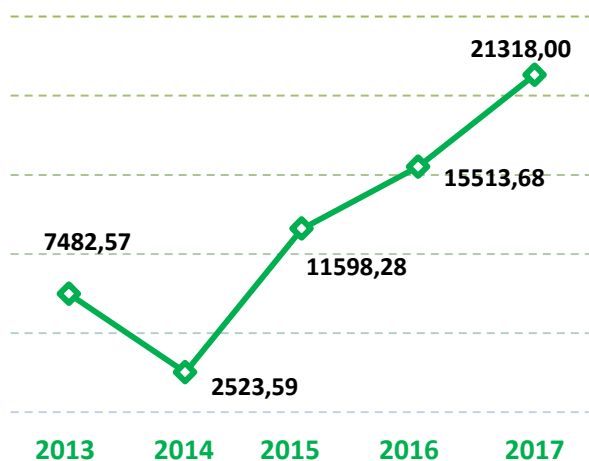
VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị: tỷ đồng



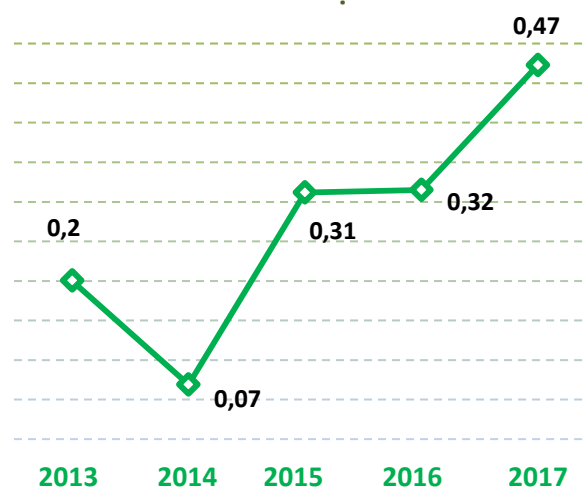


EPS CƠ BẢN



ROE (LỢI NHUẬN/VỐN CHỦ SỞ HỮU)

Đơn vị: %



KẾT QUẢ KINH DOANH GIAI ĐOẠN 2013 – 2017

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2013	2014	2015	2016	2017	Tăng trưởng 2013 - 2017
Doanh thu thuần	575,08	411,66	553,14	425,66	537,31	93%
Lợi nhuận gộp	91,04	36,14	95,77	115,48	196,58	216%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	66,46	17,75	78,51	105,88	163,78	246%
Lợi nhuận trước thuế	67,84	23,4	80,29	106,09	163,65	241%
Lợi nhuận sau thuế	50,88	17,16	78,87	105,49	163,07	320%

◀ 5 THÀNH TÍCH NỔI BẬT TRONG NIÊN VỤ 2016 – 2017 ▶



Vinh dự nhận bằng khen của Bảo Hiểm Xã Hội Việt Nam với thành tích

“Đã thực hiện tốt chính sách BHXH, BHYT năm 2015-2016”.



Đón nhận Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La cho thành tích

“Đã có nhiều đóng góp trong việc xây dựng công trình phúc lợi trên địa bàn huyện Mai Sơn”.



Nhận được Thư cảm ơn của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La trong việc thực hiện tốt công tác xã hội từ thiện, đặc biệt năm 2016 đã tài trợ 3 tỷ đồng xây dựng Nhà lớp học cho trường THCS Chu Văn Thịnh (huyện Mai Sơn).

Bằng khen do Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La trao tặng





PCT Hội đồng Quản trị, kiêm TGĐ Trần Ngọc Hiếu thay mặt CTCP Mía đường Sơn La đón nhận bằng khen do Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La trao tặng



Được Ủy ban nhân dân huyện Mai Sơn tặng Giấy khen khen thưởng vì đã có thành tích xuất sắc trong đợt diễn tập phương án chữa cháy lớn và cứu nạn, cứu hộ huyện Mai Sơn năm 2017.



Được Ban Chỉ Đạo Nông Thôn Mới trao tặng giấy khen

“Đã có thành tích xuất sắc trong thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới năm 2016”.



B. TỔNG QUAN CÔNG TY

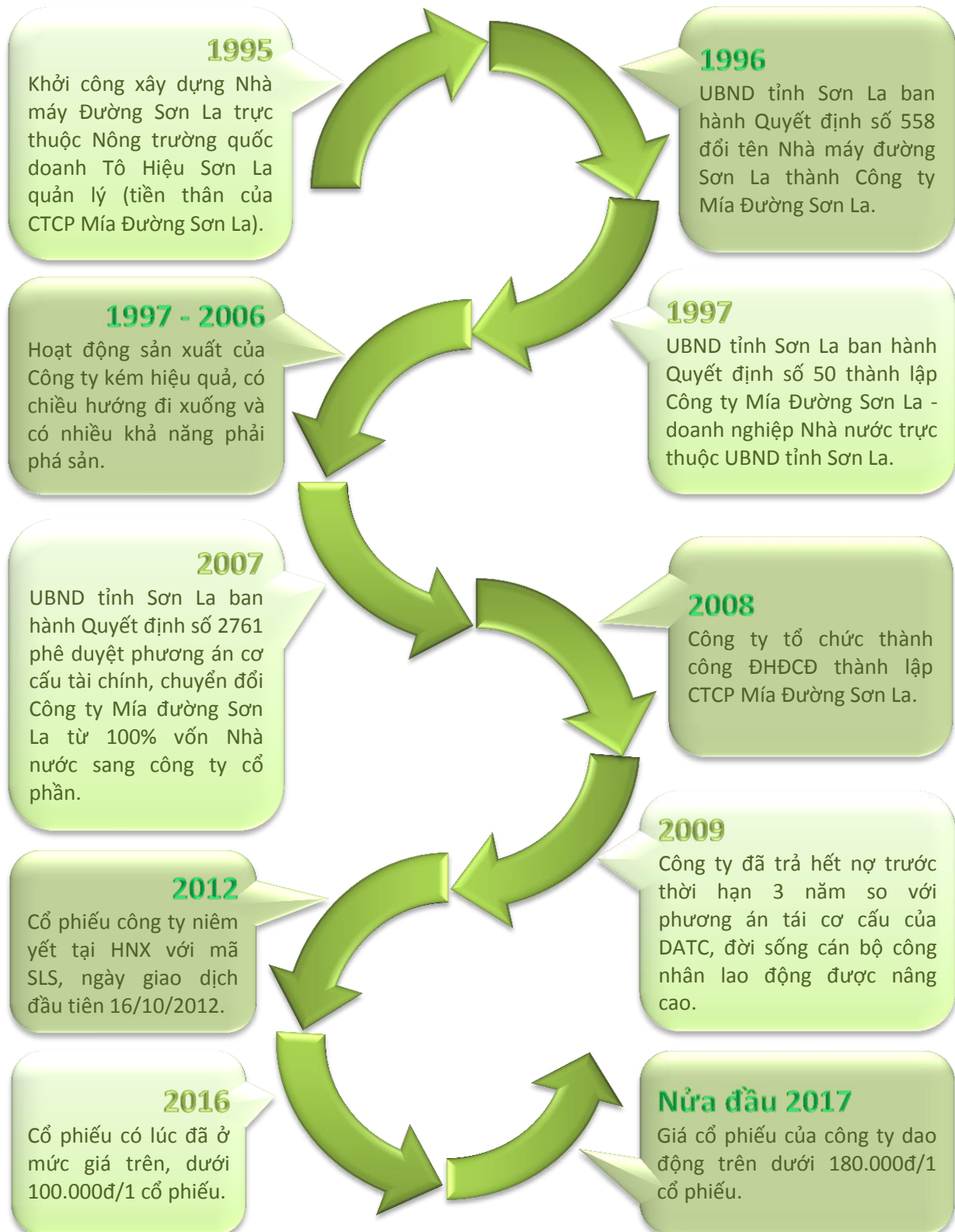


◀ THÔNG TIN TỔNG QUAN ▶

Tên Công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA
Tên viết tắt	SLS
Tên tiếng Anh	SON LA SUGAR JOINT STOCK COMPANY
Biểu tượng của Công ty	
Trụ sở	Km 34, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La
Điện thoại	(0212) 3843.274
Fax	(0212) 3843.406
Email	sls.miaduongsomla@gmail.com
Website	http://www.miaduongsomla.vn
Mã cổ phiếu	SLS
Giấy CNĐKKD	Đăng ký lần đầu theo số 2403000172 ngày 20/02/2008, thay đổi lần thứ 07 ngày 09/02/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp.
Vốn điều lệ	81.599.830.000 Việt Nam đồng
Số lượng cổ phiếu lưu hành	8.159.983 cổ phiếu
Người đại diện theo pháp luật	Ông Đặng Việt Anh - Chủ tịch Hội đồng quản trị



◀ QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN ▶



◀ NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH ▶

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Sản xuất đường, chế biến và kinh doanh các sản phẩm sau đường.



Sản xuất, cung ứng phân vi sinh và giống cây, con.



Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.



ĐỊA BÀN KINH DOANH

Địa bàn tiêu thụ chính của công ty là Hà Nội, Hải Phòng, Vĩnh Phúc và các tỉnh lân cận.





◀ CÁC SẢN PHẨM CHÍNH ▶



1. ĐƯỜNG KÍNH RS

Đây là sản phẩm chủ lực của Công ty và được chế biến với dây chuyền công nghệ hiện đại. Đường được làm từ nguyên liệu là cây mía tươi và một số phụ gia được phép sử dụng trong lĩnh vực chế biến thực phẩm. Hiện nay sản phẩm này đang được công ty đóng gói theo ba loại: túi 0,5kg, túi 1 kg và bao 50 kg.

2. PHÂN VI SINH

Phân phức hợp hữu cơ vi sinh FITOHOOCMON được chế biến từ các chế phẩm vi sinh với công nghệ tiên tiến, hiện đại. Thành phần để làm nên loại phân hữu cơ này bao gồm: bã bùn lên men, đạm, lân, kali, các chất vi lượng và các vi sinh vật hữu ích. Sản phẩm có công dụng tăng cường hữu cơ cho đất, cung cấp đầy đủ các chất dinh dưỡng, tăng khả năng kháng sâu bệnh, chịu hạn, kích thích phát triển cho cây mía, tăng năng suất từ 10-15%. Đây là loại phân được Công ty Mía đường Sơn La sản xuất chủ yếu để bón lót, bón thúc cho cây mía trong vùng nguyên liệu của công ty.

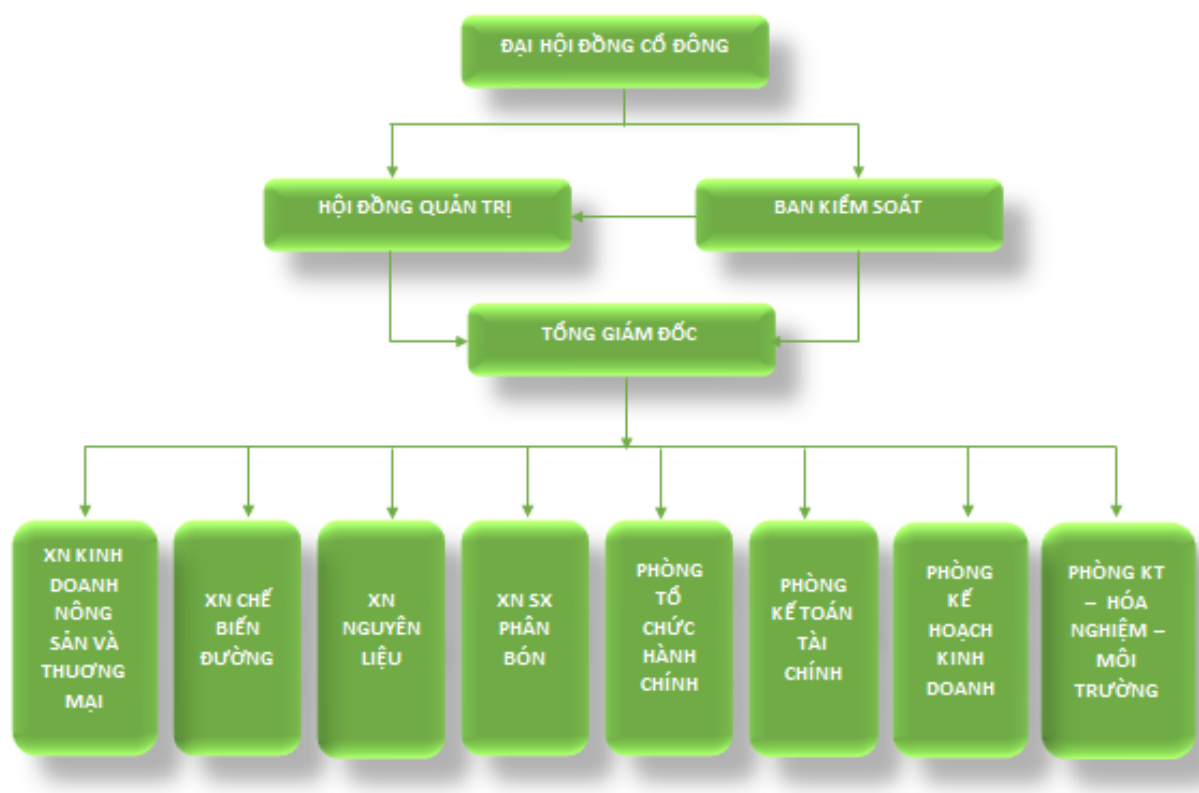


3. XĂNG DẦU

Công ty kinh doanh xăng dầu, cung cấp kịp thời, đáp ứng nhu cầu cho các phương tiện chuyên chở hàng hóa trong nội bộ và ngoài công ty.

◀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ ▶

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



◀ GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY ▶

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1	Ông Đặng Việt Anh	Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị
2	Ông Trần Ngọc Hiếu	Phó Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị
3	Ông Nguyễn Thắng	Thành viên Hội Đồng Quản Trị
4	Bà Trần Thị Nhi	Thành viên Hội Đồng Quản Trị
5	Ông Thái Văn Hùng	Thành viên Hội Đồng Quản Trị



Ông Đặng Việt Anh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm sinh : 1978
Số CMND : 023302165
Nơi sinh : T.P Hồ Chí Minh
Trình độ : Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác

2006 – 2010 : Thành viên HĐQT CTCP Mía đường Đắk Nông
2006 – 2007 : Công tác tại CTCP Chứng khoán Ngân hàng phát triển Nhà Đồng Bằng Sông Cửu Long
2007 – 2008 : Công tác tại CTCP Chứng khoán Việt Quốc
2009 – 2010 : Công tác tại TCT Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước chi nhánh khu vực phía Nam
2010 – 2011 : Thành viên HĐQT CTCP Xuất nhập khẩu Lâm Thủy sản Bến tre
2013 – 2015 : Thành viên HĐQT CTCP Đường Kon Tum
2015 – nay : Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La



Ông Trần Ngọc Hiếu

PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh : 1956
Số CMND : 022704756
Nơi sinh : Hà Nội

Quá trình công tác

1976 - 1981 : Thực hiện nghĩa vụ quân sự, tham gia mặt trận chiến trường Campuchia
1982 - 1997 : Chuyên ngành Kinh doanh Lương thực thực phẩm
2015 : Công tác tại CTCP Chứng khoán Việt Quốc
2015 – nay : Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị, kiêm Tổng Giám đốc CTCP Mía đường Sơn La



Ông Nguyễn Thắng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm sinh : 1968
Số CMND : 233211106
Nơi sinh : Tỉnh Quảng Trị
Trình độ : Kỹ sư hóa - Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

1995 – 1997 : Công tác tại Phòng Kỹ Thuật – Công ty Mía đường Gia lai
1997 – 2011 : Phó phòng Kỹ thuật - Chất lượng - Sản phẩm, Công ty CP Đường Kon Tum
2011 – 2014 : Phó phòng Tổ chức - Hành chính - Nhân sự Công ty CP Đường Kon Tum
2014 – 2015 : Phó phòng KCS - Môi trường Công ty CP Đường Kon Tum
2016 – Nay : Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Mía đường Sơn La



Bà Trần Thị Nhi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm sinh : 1964
Số CMND : 025493493
Nơi sinh : Tỉnh Quảng Bình
Trình độ : Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác

1984 – 1989 : Phụ trách kế toán, trường dạy nghề nội thương Bình Trị Thiên
1989 – 2010 : Phó phòng kế toán, Kế toán trưởng, Phó TGD Công ty Thương mại Quảng Trị
2010 – 2013 : Phó GD Công ty CP Thương mại – Dịch vụ Quảng Trị
2014 – 2015 : Thành viên BKS Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La
2015 - 2016 : Trưởng BKS Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La
05/2016 - nay : Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La



Ông Thái Văn Hùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm sinh : 1972
Số CMND : 221343752
Nơi sinh : Tỉnh Quảng Nam
Trình độ : Cử nhân khoa học

Quá trình công tác

1995 – 1996 : Kỹ thuật viên Phòng Kỹ Thuật CTCP Mía đường Tuy Hòa
1996 – 2000 : Phó quản đốc Phân xưởng sản xuất đường CTCP Mía đường Tuy Hòa
2001 : Trưởng phòng kỹ thuật – KCS CTCP Mía đường Tuy Hòa
2011 – 2016 : Trưởng phòng Vật tư, đầu tư và xây dựng cơ bản CTCP Mía đường Tuy Hòa
2016 – Nay : Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La

GIỚI THIỆU BAN GIÁM ĐỐC

1 Ông Trần Ngọc Hiếu Tổng Giám đốc

- Ông Trần Ngọc Hiếu

PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC (đã giới thiệu ở trên).

GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT

- | | | |
|---|-----------------------------|--------------------------|
| 1 | Bà Nguyễn Thị Thủy | Trưởng Ban Kiểm Soát |
| 2 | Ông Nguyễn Minh Hùng | Thành viên Ban Kiểm Soát |
| 3 | Ông Đặng Tuấn Thắng | Thành viên Ban Kiểm Soát |



Bà Nguyễn Thị Thủy

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Năm sinh : 1960
Số CMND : 280096294
Nơi sinh : Tỉnh Bình Dương
Trình độ : Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

1985 - 1987	: Cục Thuế Bình Dương
1987 - 2014	: Công ty Cổ phần Đường Bình Dương
2014 - nay	: Công ty TNHH Kim Hà Việt
5/2016 - nay	: Trưởng Ban Kiểm Soát Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La



Ông Nguyễn Minh Hùng

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Năm sinh : 1985
Số CMND : 023875615
Nơi sinh : Tỉnh Bắc Ninh
Trình độ : Trung cấp Cấp Thoát Nước

Quá trình công tác

2007 - 2009 : Nhân viên Công ty Cấp Nước Sài Gòn
2009 - 2010 : Nhân viên Công ty TNHH Thế Giới Sóng
2010 - 2013 : Nhân viên công ty TNHH Kim Hà Việt
2013 - 2015 : Nhân viên Phòng Tổ Chức Hành Chính
2016 : Nhân viên Phòng Kiểm Soát Nội Bộ
2015 - nay : Thành viên BKS Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La



Ông Đặng Tuấn Thắng

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Năm sinh : 1972
Số CMND : 011553668
Nơi sinh : Tỉnh Nam Định
Trình độ : Kỹ sư Nông nghiệp

Quá trình công tác

1997 - 2005 : Chuyên viên phòng nguyên liệu - Tổng Công Ty Mía đường I Việt Nam
2005 - 2012 : Giám đốc điều hành - Công Ty Truyền Thông Lạc Việt
2012 - 2013 : Phó Tổng Giám đốc - Công Ty Cổ phần Nguyên Liệu Giấy An Hoà
2013 - 2015 : Phó Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương
2016 - nay : Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La
2016 : Trưởng phòng Kiểm soát nội bộ Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La
2017 : Trưởng phòng Tổ chức hành chính Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La

◀ PHÂN TÍCH ĐIỂM MẠNH VÀ ĐIỂM YẾU CỦA CÔNG TY ▶

ĐIỂM MẠNH

- Công ty có sự gắn bó chặt chẽ với nông dân, ít có sự cạnh tranh.

Vùng nguyên liệu với diện tích 8.000 ha



- Niên vụ 2016 - 2017, công ty đã nâng công suất nhà máy ổn định 3000 TMN. Kế hoạch niên vụ 2017-2018 công ty nâng công suất lên 5000 TMN nhằm chế biến hết sản lượng mía của 8000 ha đúng vụ thu hoạch.

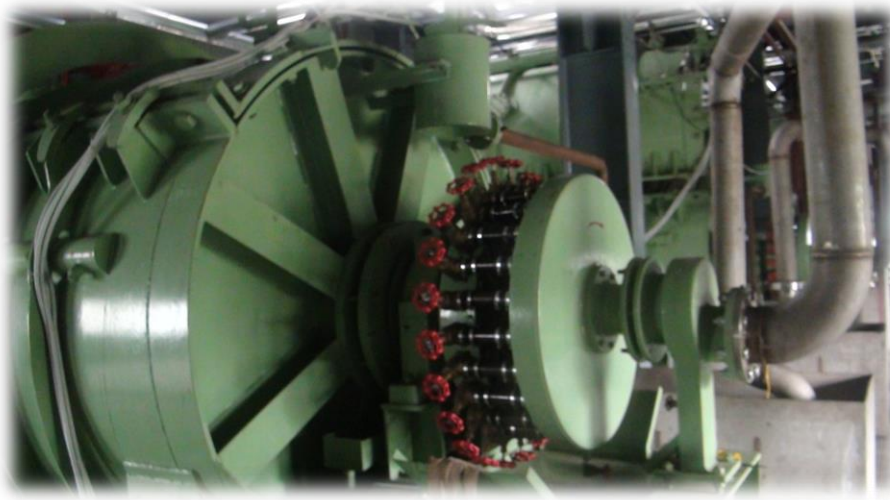
Máy ép mía với công suất 5.000 tấn mía/ngày được Công ty đầu tư mua mới





- Chất lượng mía (trữ đường) khá cao.

Công ty tiến hành đầu tư nhiều máy móc, thiết bị hiện đại phục vụ cho mục tiêu đẩy mạnh công suất chế biến và nâng cao chất lượng sản phẩm



ĐIỂM YẾU

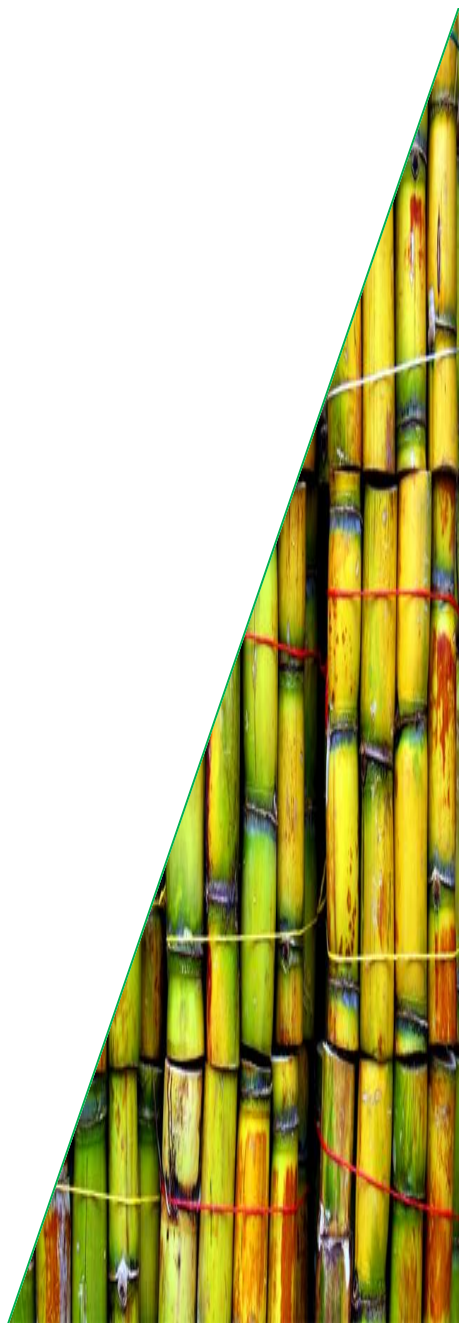
- Vùng nguyên liệu khó cơ giới hóa do đất đồi núi nhiều, diện tích manh mún, khả năng mở rộng diện tích khó.
- Cơ sở hạ tầng, giao thông nội vùng nguyên liệu mía chưa phát triển.

Địa hình nhiều đồi núi và hệ thống đường giao thông vùng nguyên liệu mía



◀ ĐỊNH HƯỚNG VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN ▶

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



6. Chú trọng tuyển dụng, đào tạo nhân sự kế thừa và duy trì nguồn nhân lực chuyên môn cao.

5. Triển khai các giải pháp công nghệ thông tin, phương thức quản lý hiện đại nhằm tối ưu hóa nguồn lực công ty.

4. Không ngừng nâng cao hiệu quả quản trị tài chính, hoàn thiện hệ thống quản lý, điều hành.

3. Phát triển kênh phân phối nhằm giữ vững và gia tăng thị phần.

2. Đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển sản phẩm, đảm bảo chất lượng sản phẩm cao. Phát triển sản phẩm cạnh đường và sau đường nhằm tạo giá trị gia tăng, giảm giá thành sản xuất.

1. Định hướng hoạt động hiệu quả và chủ trương phát triển vùng nguyên liệu lâu dài dựa trên cơ sở đảm bảo lợi ích hài hòa của công ty và người trồng mía.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN



◀ NHỮNG RỦI RO MÀ CÔNG TY PHẢI ĐỐI MẶT ▶

Rủi ro kinh tế

Kinh tế thế giới gặp nhiều khó khăn và bất định trong giai đoạn 2016 - 2017, các tổ chức quốc tế đều điều chỉnh hạ thấp dự báo tăng trưởng toàn cầu. Theo đánh giá ban đầu, kết quả trưng cầu dân ý tại Anh với việc đa số cử tri nước này chọn rời liên minh Châu Âu (EU) sẽ tác động đến từng quốc gia và nền kinh tế toàn cầu. Giá hàng hóa thế giới giảm sâu, đặc biệt là giá nhiên liệu và thực phẩm. Trong nước, sản xuất, kinh doanh tiếp tục phục hồi. Khu vực doanh nghiệp có chuyển biến tích cực, đặc biệt là nhóm doanh nghiệp vừa và nhỏ. Đầu tư tư nhân và tiêu dùng phục hồi khá; Ổn định vĩ mô được duy trì. Lạm phát thấp và ổn định.

Bên cạnh những thuận lợi, Việt Nam cũng sẽ gặp phải thách thức cạnh tranh, có thể dẫn tới phá sản và tình trạng thất nghiệp ở các Doanh nghiệp có năng lực cạnh tranh yếu, không được chuẩn bị kỹ cho hội nhập. Hơn nữa, việc giảm thuế quan có thể khiến luồng hàng nhập khẩu từ các nước TPP vào Việt Nam gia tăng, với giá cả cạnh tranh hơn. Thị phần hàng hoá liên quan tại Việt Nam sẽ bị ảnh hưởng và cạnh tranh sẽ gay gắt hơn.

Đặc biệt là sự cố ô nhiễm môi trường nghiêm trọng tại các tỉnh miền Trung, tình hình khí hậu diễn biến bất thường ảnh hưởng tiêu cực tới đến sản xuất và đời sống người dân.

• Lạm phát

Giai đoạn 2016 – 2017, nền kinh tế Việt Nam còn chịu nhiều ảnh hưởng từ một trong những sự kiện nổi bật nhất của kinh tế Việt Nam đầu năm 2016 là chỉ số giá tiêu dùng tăng thấp nhất trong khoảng 10 năm trở lại đây. Lạm phát thấp mang đến nhiều cơ hội và thách thức cho nền kinh tế. Các chính sách cần được điều chỉnh cho phù hợp với diễn biến mới.

Lạm phát tác động đến tất cả các lĩnh vực kinh tế – xã hội, trong đó có hoạt động của các doanh nghiệp sản xuất đường. Lạm phát thấp mang lại niềm vui cho người tiêu dùng; sự an tâm của các nhà đầu tư trong sản xuất, kinh doanh; tạo điều kiện cho các nhà hoạch định chính sách và quản lý, điều hành vĩ mô có cơ sở để đề ra và thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, hỗ trợ thị trường. Chính phủ có dư địa lớn hơn để nới lỏng chính sách tiền tệ và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

• Lãi suất

Lạm phát thấp tạo điều kiện cho lãi suất giảm là tín hiệu tốt của nền kinh tế, tuy nhiên, thực tế cung và cầu về vốn vẫn chưa thể gặp nhau. Doanh nghiệp không thể tiếp cận được khoản vay do không đáp ứng được các tiêu chuẩn của ngân hàng, trong khi đó, phía ngân hàng có thể hạ lãi suất, nhưng không thể hạ tiêu chuẩn cho vay. Khó khăn thiếu vốn vẫn còn và nhiều doanh nghiệp tiếp tục đối mặt với những khó khăn phía trước.

Ngoài ra, thực tế lãi suất tại Việt Nam không chỉ gắn với vấn đề lạm phát, dù nó là biến số rất quan trọng. Vì lãi suất đồng VND còn gắn tương quan với lãi suất đồng USD, liên quan đến cách thức điều hành linh hoạt tỷ giá của Ngân hàng nhà nước.



Trong niên độ 2016 - 2017, Công ty Cổ Phần Mía đường Sơn La tiếp tục kế hoạch đầu tư, nâng cấp dây chuyền sản xuất, nhu cầu nguồn vốn vay Ngân hàng là rất lớn, lãi suất có xu hướng giảm đã tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty tiếp cận nguồn vốn vay, giảm áp lực lãi vay cho Công ty.

Rủi ro pháp lý

Việt Nam đang trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế vì vậy pháp luật và các chính sách của Việt Nam thường xuyên có những thay đổi để phù hợp với thực tiễn, phù hợp với thông lệ quốc tế. Ngoài các chính sách kinh tế, chính trị, xã hội nói chung ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty còn chịu sự quản lý, chi phối của các hiệp hội,... Do đó, mỗi sự thay đổi của chính sách, pháp luật của Nhà nước sẽ tiềm ẩn nhiều rủi ro tới quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

Là một công ty đại chúng, đơn vị niêm yết, Công ty chịu sự chi phối của đồng thời Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán. Khi thực hiện niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội thì hoạt động của Công ty sẽ còn chịu sự điều chỉnh của các quy định niêm yết của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, chính sự điều chỉnh này sẽ làm cho hoạt động của Công ty ngày càng minh bạch, nâng cao năng lực quản trị công ty. Tuy nhiên, do thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn là một thị trường khá mới mẻ, tính ổn định chưa cao, do đó các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán có thể sẽ gây lúng túng cho các doanh nghiệp.

Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn chú trọng tới việc nghiên cứu nắm bắt các quy định mới của pháp luật từ đó xây dựng chiến lược phát triển kinh doanh theo đúng chủ trương của Đảng và Nhà nước.

Rủi ro đặc thù ngành

• Rủi ro nguồn nguyên liệu

Nguồn nguyên liệu mía đường Việt Nam còn rất khó khăn, sản lượng và doanh thu phụ thuộc nhiều vào yếu tố thời tiết, chính sách cũng như tập quán canh tác của người nông dân. Nhiều nhà máy đường hoạt động trong tình trạng dưới công suất do thiếu nguyên liệu;

Phát triển vùng nguyên liệu mía là yếu tố sống còn đối với Công ty đường. Do vậy, từ nhiều năm nay, Công ty luôn chú trọng việc đầu tư phát triển vùng nguyên liệu mía, xây dựng cơ sở hạ tầng, hệ thống tưới tiêu, hợp tác với nông dân qua các hợp đồng hỗ trợ giống, phân bón, đầu tư vốn cho nông dân. Trong quá trình hợp tác và hỗ trợ nông dân phát triển vùng nguyên liệu, Công ty đối mặt với rủi ro phát sinh như: bị chiếm dụng vốn, nông dân mất khả năng thanh toán.

• Rủi ro thiếu hụt nguồn nguyên liệu

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng thiếu hụt nguyên liệu cho các nhà máy sản xuất đường, tuy nhiên tóm lược lại có một số nguyên nhân chủ yếu sau:

Thứ nhất: Do năng suất mía thấp. Trong những năm trở lại đây, năng suất trồng mía đã được cải thiện đáng kể, tuy nhiên so sánh với năng suất mía bình quân trên thế giới hiện nay là trên 100 tấn/ha thì năng suất mía của nước ta là khá thấp. Việc sử dụng giống mía cũ vào canh tác, người

trồng mía không được hướng dẫn cụ thể về kỹ thuật canh tác, bệnh dịch, thời tiết xấu hoành hành là nguyên nhân chính dẫn đến năng suất trồng mía thấp và có xu hướng giảm trong các năm qua.

Thứ hai: Nhiều nhà máy đường không tập trung phát triển vùng nguyên liệu. Thực tế cho thấy, phát triển vùng nguyên liệu là cơ sở để phát triển ổn định ngành mía đường cũng như sự thành bại của mỗi doanh nghiệp chế biến đường. Tuy nhiên ở nước ta mỗi doanh nghiệp làm theo một kiểu. Có doanh nghiệp ứng trước vốn cho nông dân mua giống, phân bón; có doanh nghiệp chỉ hỗ trợ kỹ thuật canh tác; nhiều doanh nghiệp không đầu tư cho nông dân mà đưa ra chính sách mua giá cao, nên khi thu hoạch thì nông dân lại đem bán cho các nhà máy có giá mua cao hơn, gây ra tình trạng các nhà máy ngày càng thờ ơ với việc đầu tư vùng nguyên liệu và hỗ trợ nông dân trồng mía.

Đứng trước thực trạng trên, nhiều chuyên gia kinh tế lo ngại nếu các doanh nghiệp sản xuất đường không hợp tác với nông dân, không tăng giá thu mua mía nguyên liệu và không tăng cường đầu tư vào vùng nguyên liệu thì trong vòng vài năm tới Việt Nam sẽ không còn mía để chế biến đường.

Rủi ro từ đối thủ cạnh tranh

Tình trạng thừa cung trên thị trường được dự báo sẽ còn tiếp tục diễn ra trong thời gian tới. Đường lậu vẫn là một vấn đề đáng lo ngại đối với các doanh nghiệp trong ngành, đặc biệt trong thời gian tới hàng rào thuế quan sẽ dỡ bỏ trong khối ASEAN, TPP. Từ các yếu tố trên buộc các doanh nghiệp sản xuất đường trong nước cần nghiêm túc xem xét yếu tố cạnh tranh là điều kiện tiên quyết để tìm ra giải pháp có thể cạnh tranh và đứng vững trong giai đoạn sắp tới. Yêu cầu đặt ra là công ty phải xem xét mọi yếu tố trong đó chú trọng nâng cao năng lực sản xuất, tạo sản phẩm đạt tiêu chuẩn cao về chất lượng nhưng giá thành ở mức thấp nhất.

Rủi ro từ sản phẩm thay thế

Trong bối cảnh nền kinh tế thị trường ngày một khó khăn, chỉ số giá tiêu dùng tại lĩnh vực liên quan đến hàng tiêu dùng, bánh kẹo, nước giải khát... ngày một tăng cao, để tiết giảm chi phí và giữ vững thị phần buộc các doanh nghiệp này cũng phải nghiên cứu và sử dụng sản phẩm thay thế với chi phí thấp hơn nhằm tiết giảm giá thành sản xuất. Do đó, nguy cơ sụt giảm khách hàng trong phân khúc này có thể tạo áp lực lớn về tiêu thụ cho các doanh nghiệp sản xuất đường.

Rủi ro khác

Hoạt động sản xuất đường sinh ra hàm lượng nước thải cao, ảnh hưởng đến môi trường gây phát sinh chi phí xử lý cao, thậm chí cả những rủi ro trong khâu xử lý.

Thiên tai, dịch bệnh là mối nguy hại ảnh hưởng lớn đến ngành nông nghiệp nói chung và sản xuất mía đường nói riêng. Đúc kết từ kinh nghiệm quá khứ để có thể chủ động phòng tránh những tổn hại có thể xảy ra, Công ty đã chủ trương phối hợp với trung tâm nghiên cứu ứng dụng mía đường đã khảo nghiệm và dự kiến cho ra đời các giống mía phù hợp với thổ nhưỡng và khí hậu đặc trưng từng tiểu vùng. Trong điều kiện thời tiết khô hạn, tình trạng cháy mía dễ xảy ra và sẽ ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng đường trong mía. Nhằm hạn chế thấp nhất rủi ro này, Công ty cũng đã tổ chức phân ranh từng khu vực và trang bị các dụng cụ dự phòng, phối hợp chính quyền địa phương để quản lý chặt chẽ các vùng trồng mía khi vào giai đoạn thu hoạch.



A close-up photograph of several sugarcane stalks. The stalks are green with distinct horizontal nodes and are growing upwards. The background is slightly blurred, showing more greenery and a hint of a dirt path.

C. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



◀ TỔNG QUAN KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

SẢN XUẤT KINH DOANH NIÊN VỤ 2016 – 2017 ▶

Trong niên vụ 2016 – 2017, Công ty cổ phần Mía đường Sơn La tiếp tục tập trung nguồn lực cho sản xuất kinh doanh đường – sản phẩm chủ lực, luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu của công ty.

So sánh một số chỉ tiêu kết quả hoạt động kinh doanh niên vụ 2016 – 2017 với năm trước

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2016	2016 - 2017	Tăng trưởng 2016 – 2017 so với 2016
Doanh thu thuần	425,66	537,31	126%
Lợi nhuận gộp	115,48	196,58	170%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	105,88	163,78	155%
Lợi nhuận trước thuế	106,09	163,65	154%
Lợi nhuận sau thuế	105,49	163,07	155%

Bên cạnh yếu tố thời tiết thuận lợi đối với chu trình phát triển của cây mía, nguyên nhân khiến doanh thu và lợi nhuận niên vụ 2016 - 2017 của công ty tăng cao là do nhiều hộ nông dân đã tiếp thu và ứng dụng tốt quy trình chăm sóc, thu hoạch mía; bà con nông dân không còn chịu sức ép thời vụ do đã được phổ biến kế hoạch thu mua của doanh nghiệp ngay từ đầu vụ.

So sánh tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch sản xuất kinh doanh niên độ 2016 - 2017

Đơn vị: Tỷ đồng

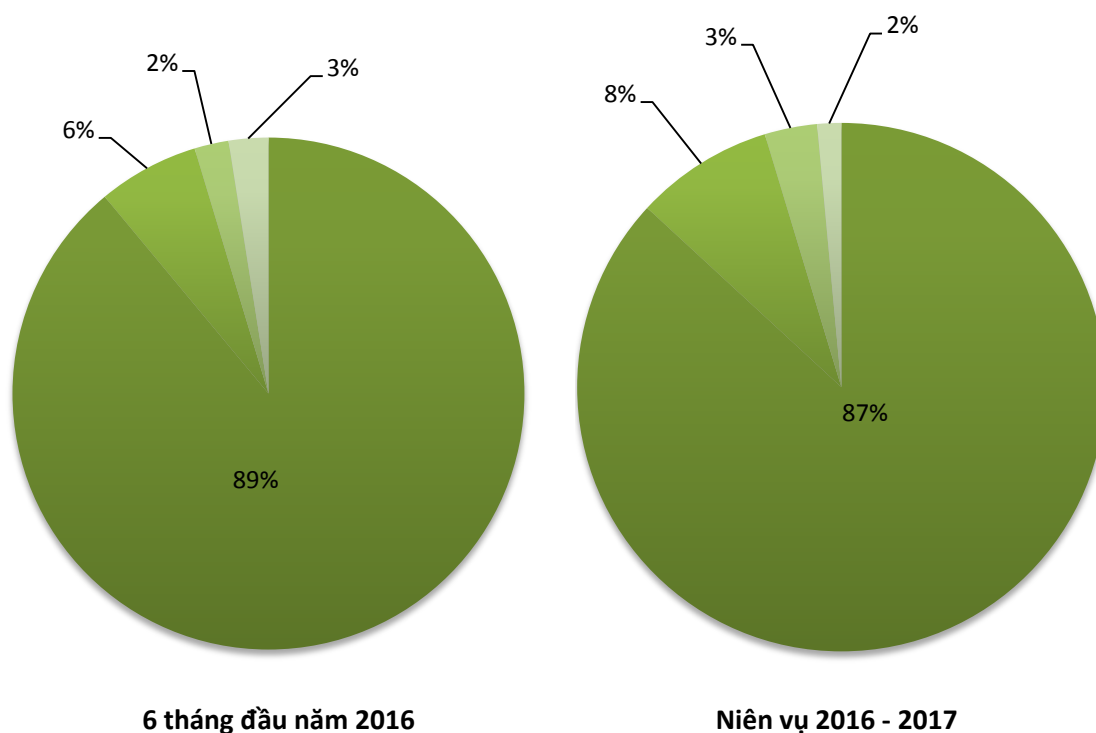
Chỉ tiêu	Kế hoạch năm	Thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch
Tổng doanh thu	591,60	548,27	92,68 %
Tổng chi phí	527,00	384,62	72,98 %
Lợi nhuận trước thuế	64,60	163,65	253,33 %
Lợi nhuận sau thuế		163,07	



Khép lại niên vụ 2016 – 2017, trong bối cảnh ngành đường đang đi vào giai đoạn bão hòa, Công ty cổ phần Mía Đường Sơn La đã đạt được những thành tích đáng tự hào trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Cơ cấu doanh thu theo sản phẩm

Đơn vị: Tỷ đồng



Cơ cấu doanh thu theo sản phẩm trong niên vụ 2016 – 2017 thay đổi không đáng kể so với vụ trước: Đường vẫn là sản phẩm chủ lực đem lại doanh thu cho công ty, trong khi phân bón, mía giống và xăng dầu là những mặt hàng được Mía Đường Sơn La sử dụng chủ yếu để phục vụ cho quá trình sản xuất đường nên doanh thu đem lại không quá cao. Chiếm tỷ lệ trên 87% trong tổng doanh thu, đường đang được coi là sản phẩm làm nên tên tuổi cho Mía Đường Sơn La.

◀ TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ ▶

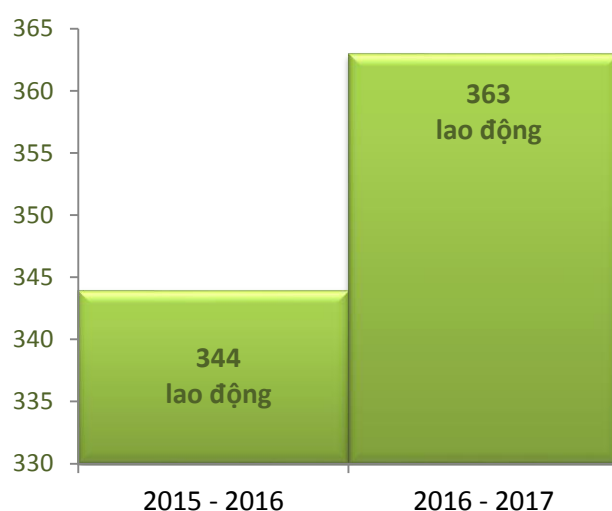
Giới thiệu Ban lãnh đạo Công ty

(thông tin chi tiết tại Mục B. Tổng quan công ty)

Những thay đổi về thành phần Ban lãnh đạo công ty trong niên vụ 2016 – 2017

- Miễn nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc đối với Ông Đặng Xuân Phúc
(Miễn nhiệm ngày 16/08/2016 theo Quyết định số 221/QĐ-HĐQT).
- Bầu bổ sung ông Thái Văn Hùng giữ vị trí thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2013 – 2018.

Thay đổi số lượng lao động niên vụ 2016 – 2017



Định biên lao động niên vụ 2016 - 2017 là 363 người, tăng 19 người so với vụ trước. Quyết định gia tăng số lượng lao động xuất phát từ nhu cầu nhân lực để kiểm soát nội bộ vùng nguyên liệu, vận hành xe và máy móc, đồng thời tăng cường khuyến nông do mở rộng vùng nguyên liệu mía.

Việc sắp xếp lại lao động đã góp phần ổn định công tác tổ chức, đáp ứng được chất lượng công việc và nâng cao thu nhập cho người lao động, giảm chi phí và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Chính sách đối với người lao động

➤ Chế độ lương

Năm 2016 - 2017, tiền lương bình quân của người lao động là 6.500.000 đồng/người/tháng. Công ty luôn chú ý đến việc tạo thu nhập ổn định, công bằng, minh bạch cho người lao động để giúp họ yên tâm gắn bó lâu dài với công ty.

➤ Chế độ khen thưởng

Trong niên vụ 2016-2017 Công ty đã khen thưởng đột xuất 50 triệu đồng cho xí nghiệp Nguyên liệu và tổ chức bình xét cho các tập thể, cá nhân đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất theo Quy chế Thi đua khen thưởng của Công ty. Đây là nguồn động viên lớn nhằm khuyến khích người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo trong công việc.



➤ Chế độ phúc lợi

Năm 2016 - 2017 Hội đồng quản trị đã phê duyệt chi quà nhân dịp các ngày lễ tết, ngày vào vụ sản xuất, ngày Hội Nghị Người lao động với tổng kinh phí tiền quà là 2.223.300.000 đồng, nguồn kinh phí được chi từ quỹ phúc lợi của Công ty.

◀ TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ▶

Dự án đầu tư nâng công suất dây chuyền chế biến đường

Dự án này nhằm đến ổn định công suất 5000 TMN cho dây chuyền chế biến đường RS tại Công ty cổ phần Mía đường Sơn La trong giai đoạn 2016 - 2018. Niên vụ 2016 – 2017 được xem là giai đoạn đầu của dự án này với công suất 3000 TMN của dây chuyền. Việc đầu tư nâng cấp thiết bị và nghiêm túc thực hiện dự án này cho thấy quyết tâm của ban lãnh đạo trong việc nâng cao chất lượng và uy tín cho thương hiệu đường của công ty.

Hệ thống máy móc được đầu tư mua mới tại CTCP Mía Đường Sơn La



◀ CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG VÀ CỔ PHIẾU SLS ▶

Cổ phiếu niêm yết và lưu hành

Ngày niêm yết	:	16/10/2012
Giá ngày giao dịch đầu tiên	:	26.900
Khối lượng niêm yết lần đầu	:	6.800.000
Khối lượng niêm yết hiện tại	:	8.159.983
Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành	:	8.159.983

Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La (HNX) 27/07/2017	
Vốn hóa (tỷ đồng)	1.375
Giá đóng cửa gần nhất	168.500
Giá cao nhất 52 tuần	201.000
Giá thấp nhất 52 tuần	79.500
KLĐLH hiện tại (triệu cp)	8
P/E (năm gần nhất)	10
P/B (năm gần nhất)	3,6

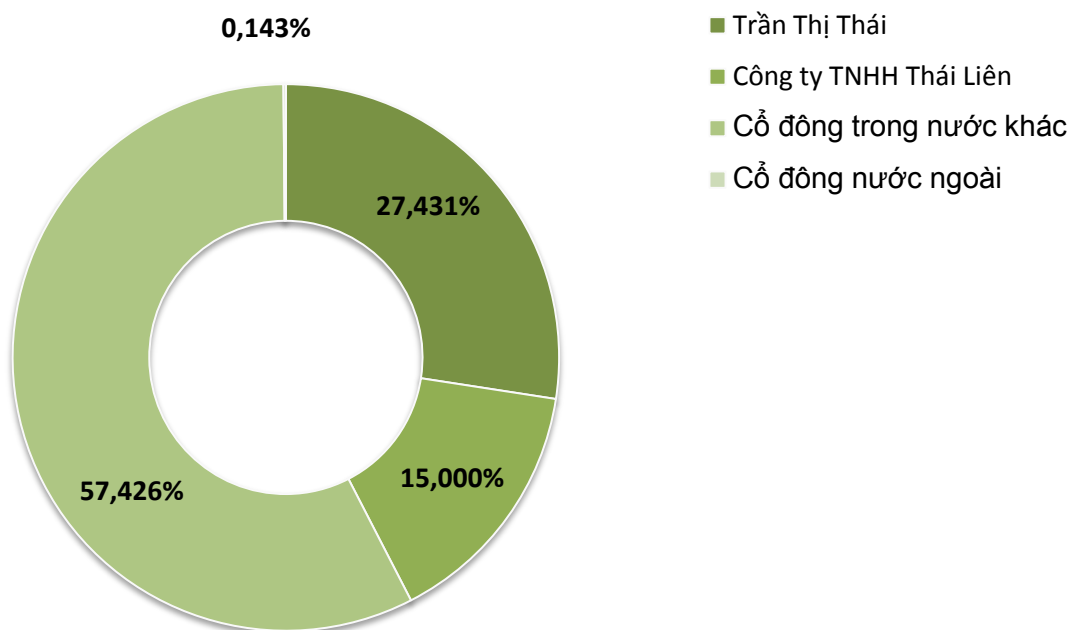
Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập công ty cổ phần với số vốn điều lệ ban đầu là 50 tỷ đồng.

- Năm 2012: Tăng vốn điều lệ lên 68.000.000.000 đồng.
- Đầu năm 2017: Tăng vốn điều lệ lên 81.599.830.000 đồng.



Cơ cấu cổ đông của công ty



Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

Cổ phiếu SLS niên độ 2016 - 2017





BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC



Analytics



◀ KẾT QUẢ SẢN XUẤT NIÊN VỤ 2016 - 2017 ▶

1. Kết quả sản xuất mía nguyên liệu

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế Hoạch	Thực hiện	%TH so với kế hoạch
1. Diện tích vùng nguyên liệu	Ha	6.164,33	6.164,33	100,00
2. Sản lượng mía chế biến (mía thô)	Tấn	386.000,00	386.465,00	100,10

Nhận thức rõ đặc điểm của ngành trồng mía ở Việt Nam là diện tích mía dễ dàng thay đổi bởi cạnh tranh với các cây trồng khác nên căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương Công ty đặc biệt chú trọng đến chính sách đầu tư cho vùng nguyên liệu, quan tâm lắng nghe nguyện vọng của người trồng mía để điều chỉnh chính sách phù hợp, đảm bảo hài hoà lợi ích của Công ty và người trồng mía. Giá thu mua mía được Công ty công bố sớm; thu nhập từ việc trồng mía ổn định nên nông dân đã thực sự quan tâm đến việc trồng mía.

Đánh giá những thuận lợi và khó khăn trong sản xuất mía nguyên liệu niên vụ 2016-2017

➤ Thuận lợi

Được sự ủng hộ của chính quyền địa phương các cấp, sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị và sự điều hành linh hoạt của Ban Điều hành; Chính sách phát triển vùng nguyên liệu phù hợp; Giá thu mua mía được giữ ổn định và các dịch vụ phục vụ cho việc trồng và chăm sóc mía được cung cấp đầy đủ, kịp thời với chất lượng tốt nên thu nhập trên cùng diện tích đất thì trồng mía hơn hẳn với các cây trồng khác.

Niên vụ 2016-2017, thời tiết khá ủng hộ cho cây mía phát triển và nhiều hộ nông dân đã tiếp thu và ứng dụng tốt quy trình chăm sóc, thu hoạch mía năng suất BQ cao hơn niên vụ trước 104,7% (Năng suất BQ/ha: Niên vụ 2015-2016: 65,9 tấn, niên vụ 2016-2017: 69 tấn).

Việc lập kế hoạch thu mua được phối hợp chặt chẽ tới từng bản, đội sản xuất và thông báo công khai nên giảm thiểu được bức xúc của bà con nông dân về sức ép thời vụ. Mía nguyên liệu đưa chế biến cơ bản là tươi, sạch, chất lượng tốt.

➤ Khó khăn

Công tác bảo vệ sản phẩm: Niên vụ 2016-2017, tuy thời tiết khá ủng hộ cho cây mía phát triển song một phần sản lượng mía bị thất thoát do nông dân vi phạm Hợp đồng (bán mía ra lò thủ công) và bán cho một vài nhà máy khác trong khu vực. Công ty đã tăng cường lực lượng bảo vệ mía (kiểm soát viên, công an xã...) và có công văn đề nghị các cấp chính quyền địa phương giúp đỡ, tuy lượng mía thất thoát không lớn nhưng cũng ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất và tâm lý người trồng mía.

Nhân công lao động: Thời gian trồng mới trùng với giữa vụ thu hoạch mía (tháng 3 + 4 hàng năm) và một phần lao động phổ thông đã thu hút về các khu công nghiệp miền xuôi... dẫn một số địa phương thiếu nhân công trầm trọng không đáp ứng được việc chặt và trồng mía theo kế hoạch.

Đường giao thông nội vùng nguyên liệu mía đa số là đường đất, đồi dốc nên khi trời mưa to không vận chuyển được mía về nhà máy.

2. Kết quả sản xuất chế biến đường

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	% Thực hiện/KH
1. Sản xuất, chế biến đường				
Sản lượng mía thô chế biến	Tấn	386.000,00	386.465,00	100,10
Sản lượng mía sạch chế biến	Tấn		381.135,00	
Sản lượng đường sản xuất	Tấn	42.371,00	48.987,51	115,61
2. Sản lượng mật rỉ nhập kho	Tấn	17.100,00	15.318,00	89,58

Đánh giá chất lượng đường thành phẩm: hầu hết đạt chất lượng tốt, độ màu trắng (tỉ lệ độ màu nhỏ hơn 100ICS =85,33%) hạt đồng đều và sắc cạnh; tuy nhiên vẫn còn tồn tại đó là nhiệt độ sau khi sấy đến khi đóng bao còn cao nên khi nguội bao đường có hiện tượng đóng cục .

◀ TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THU NỢ VÙNG NGUYÊN LIỆU MÍA ▶

1. Thu nợ đầu tư vùng nguyên liệu mía niên vụ 2016-2017

- Tổng kinh phí đầu tư cho vùng nguyên liệu mía là 64.135.425.993 đồng.
- Tổng thu nợ đầu tư đến hết ngày 31/8/2017 là: 63.983.619.435 đồng (99,763%/TĐT); Số tiền còn nợ là 151.806.588 đồng. Lý do còn nợ lại: gồm nợ đầu tư mía vụ thu 2016 chưa đến kỳ thu hoạch và một số diện tích mía vụ 2016-2017 năng suất kém. Công ty sẽ tiếp tục thu trong vụ 2017-2018.

2. Tổng nợ đầu tư tồn đọng từ năm 2015 trở về trước

Tính từ năm 2015 trở về trước, tổng nợ đầu tư cho vùng nguyên liệu mía còn tồn đọng là 11.740.231 đồng (Mười một triệu bảy trăm bốn mươi nghìn hai trăm ba một đồng) Công ty đã trích lập dự phòng 100%. Tổng giám đốc chỉ đạo Xí nghiệp Nguyên Liệu, Phòng TCKT tiếp tục theo dõi để thu hồi tối đa nhất nhằm giảm thiệt hại cho Công ty.



◀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

NIÊN ĐỘ 2016 – 2017 ▶

Chỉ tiêu	Kế hoạch (tỷ đồng)	Thực hiện (đồng)	% Thực hiện/KH
Tổng doanh thu	591,60	548,27	92,67
Tổng chi phí	527,00	384,62	72,98
Lợi nhuận trước thuế	64,60	163,65	253,3
Nộp ngân sách		14,55	
Lợi nhuận sau thuế TNDN		163,07	

◀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH

NIÊN ĐỘ 2017 – 2018 ▶

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch đặt ra
Tổng doanh thu	tỷ đồng	798,0
Tổng chi phí	tỷ đồng	742,2
Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	55,8
Lợi nhuận sau thuế TNDN	tỷ đồng	55,5

Sản xuất mía đường nói chung luôn bị ảnh hưởng trực tiếp bởi những diễn biến của thời tiết như: Hạn hán, lũ lụt, sương muối...khí hậu ngày một biến đổi phức tạp nên sản xuất mía luôn phải đối mặt với những khó khăn ngày một lớn hơn. Năm 2018, thực hiện hội nhập kinh tế Quốc tế là một trong những khó khăn thách thức vô cùng lớn với ngành đường nói chung và Công ty cổ phần mía đường Sơn La nói riêng.

Để thực hiện kế hoạch đề ra Ban điều hành Công ty luôn xác định:

- Phát triển nguyên liệu mía là yếu tố quan trọng hàng đầu quyết định sự sống còn của Công ty. Để phát triển vùng nguyên liệu ổn định bền vững và lâu dài thì phải có các chính sách đầu tư

phù hợp, hỗ trợ về vốn, giống, phương tiện kỹ thuật để bà con nông dân thực hiện chuyên canh cây mía; việc sản xuất mía phải đảm bảo lợi ích hài hòa giữa người trồng mía và Công ty. Nhằm tạo nền tảng vững chắc xây dựng nguồn mía nguyên liệu đáp ứng được công suất dây chuyền chế biến của Nhà máy, tạo công ăn việc làm cho lao động địa phương và CBCNLD trong công ty.

Vùng nguyên liệu mía của CTCP Mía Đường Sơn La



- Đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển sản phẩm, đảm bảo chất lượng sản phẩm cao nhằm tạo giá trị gia tăng, giảm giá thành sản xuất.
- Phát triển kênh phân phối nhằm giữ vững và gia tăng thị phần.
- Triển khai các giải pháp công nghệ thông tin, phương thức quản lý hiện đại nhằm tối ưu hóa nguồn lực Công ty.
- Chú trọng tuyển dụng, đào tạo nhân sự kế thừa và duy trì nguồn nhân lực chuyên môn cao.
- Tiếp tục phát huy tối đa kinh nghiệm và tập trung nguồn lực hiện có để đẩy mạnh phát triển lĩnh vực chính: Kinh doanh chế biến đường, kinh doanh phân bón.
- Tiếp tục củng cố, nâng cao năng lực của hệ thống phân phối, khai thác và phát huy tối đa thế mạnh của thương hiệu.
- Duy trì và phát huy hơn nữa tốc độ tăng trưởng của công ty, tối đa hóa lợi ích của khách hàng để tạo giá trị gia tăng chung cho công ty và xã hội.
- Chấp hành nghiêm túc quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, quan tâm và đầu tư thích đáng cho công tác bảo vệ môi trường, hệ thống xử lý nước thải, trồng cây xanh, vệ sinh công nghiệp.
- Ổn định công suất của Nhà máy chế biến đường, thu mua chế biến đúng thời vụ để đảm hiệu quả thu hồi, tăng năng suất và giảm chi phí.

**BÁO CÁO
VÀ ĐÁNH GIÁ
CỦA
HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ**



◀ ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ NGÀNH MÍA ĐƯỜNG ▶

Hiện nay, ngành Mía đường Việt Nam đang phải đối mặt với những thách thức lớn (với cả doanh nghiệp và nông dân) khi giá đường trên thị trường không được như kỳ vọng. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của doanh nghiệp sản xuất, tác động tới chính sách thu mua nguyên liệu cho người trồng mía.

Theo Hiệp hội Mía đường Việt Nam (VSSA), tính đến đầu tháng 5/2017, lượng đường tồn kho của Việt Nam ở mức cao kỷ lục trong lịch sử. Nguyên nhân khiến đường tồn kho tăng cao chủ yếu do sức tiêu thụ trong nước bị ảnh hưởng tiêu cực bởi đường gian lận thương mại đang hoành hành.

Mặt khác, theo lộ trình đến năm 2018, thuế xuất nhập khẩu mía đường từ các nước trong khu vực ASEAN sẽ về 0% thay vì 30% như hiện nay. Đến thời điểm này, lượng đường từ các quốc gia ASEAN sẽ tạo ra những sức ép không nhỏ đối với ngành mía đường Việt Nam.

◀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NIÊN ĐỘ 2016 – 2017 ▶

1. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh

Từ thực tế những khó khăn và thuận lợi cơ bản của doanh nghiệp và kết quả kinh doanh niên độ 2016 – 2017, Hội đồng quản trị đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty trong năm như sau:

- HĐQT đã chủ động ban hành nhiều chính sách hỗ trợ, phát triển vùng nguyên liệu một cách quyết liệt và linh hoạt nên niên vụ 2016-2017 đã có 6.784 hộ dân, ký hợp đồng sản xuất mía nguyên liệu cho Công ty (tăng 702 hộ dân so với năm 2016 (6.082 hộ dân), với tổng diện tích mía là 6.164,33 ha, tăng 1.238,66 ha so với năm 2016 (4.925,67 ha).
- Niên vụ 2016-2017, thời tiết khá ủng hộ cho cây mía phát triển, nên năng suất BQ đạt 69,4 tấn/ha, tăng so với niên vụ 2015/2016 là 65,9 tấn/ha.
- Công tác tổ chức đã tinh gọn bộ máy quản lý, sắp xếp định biên lại CBCNLĐ để phù hợp với nhu cầu sử dụng lao động của công ty;
- Bám sát giá cả thị trường, quyết định bán hàng đúng thời điểm, tiết kiệm tiền thuê kho, phí trung chuyển và tiền bốc xếp lưu kho. Giải quyết việc thanh toán tiền mía cho dân linh hoạt, hạn chế tối đa nguồn vốn vay;
- Công tác mua sắm vật tư được cân nhắc và khảo sát kỹ thị trường trước khi mua nên tiết giảm được chi phí khá lớn.



Với việc chủ động nắm bắt cơ hội, giải quyết tốt các vấn đề khó khăn xảy ra nên năm 2016 – 2017 Công ty đã đạt được kết quả như sau:

Chỉ tiêu	Kết quả đạt được (tỷ đồng)
Tổng doanh thu	548,27
Tổng chi phí	384,62
Lợi nhuận trước thuế	163,65
Nộp ngân sách	14,55
Lợi nhuận sau thuế TNDN	163,07

Đánh giá tổng quan, năm 2016 – 2017 Công ty đã hoàn thành vượt mức chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế. Thị phần giữ được mức ổn định, đây là kết quả rất đáng phấn khởi trong bối cảnh ngành đường Việt Nam vẫn còn nhiều khó khăn.

2. Đánh giá một số công tác khác

- Song song với mục tiêu hiệu quả sản xuất kinh doanh, Công ty đã thực hiện tốt các nội dung công việc theo quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội đối với công ty niêm yết.
- Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức và nâng cao chất lượng đội ngũ, tăng năng suất lao động, chống lãng phí, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động, thực hiện tốt các chính sách lao động theo luật định. Duy trì trật tự kỷ cương trong công ty.
- Thực hiện tốt các quy định về ATVSLĐ, giải quyết đầy đủ chế độ về BHLĐ cho người lao động theo luật định, không có tai nạn lao động xảy ra. Tích cực thực hiện Bảo vệ môi trường.

◀ BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NIÊN ĐỘ 2016 – 2017 ▶

Niên độ 2016 - 2017, Hội Đồng Quản Trị đã tổ chức đầy đủ các cuộc họp định kỳ theo quy định để triển khai Nghị quyết đã được ĐHĐCĐ thông qua, ban hành 50 Nghị quyết của HĐQT đề ra các chủ trương, giải pháp nhằm định hướng và chỉ đạo Ban Giám đốc điều hành trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và thực hiện các dự án đầu tư.

Các cuộc họp của HĐQT đều có sự tham gia mở rộng của Ban điều hành, Ban Kiểm soát và các đơn vị có liên quan nhằm tạo điều kiện cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị nắm bắt các khó khăn và đưa ra các chỉ đạo kịp thời theo từng lĩnh vực được phân công theo dõi, giám sát.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị đã điều hành các hoạt động của Hội Đồng Quản Trị theo đúng thẩm quyền. Các thành viên Hội Đồng Quản Trị đã tích cực quản lý, giám sát công ty; đưa ra những đánh giá, ý kiến khách quan nhằm mục tiêu tăng cường công tác quản trị công ty; hoàn thành nhiệm vụ của Hội Đồng Quản Trị được Đại hội đồng cổ đông giao phó.

Hội Đồng Quản Trị thường xuyên có sự thảo luận, hội ý và thống nhất các ý kiến chỉ đạo đối với từng công việc phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Tổng thù lao Hội Đồng Quản Trị, Ban kiểm soát và Thư ký trong năm 2016 là 848.000.000 đồng, nằm trong khuôn khổ mức thù lao đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trong vai trò quản trị, Hội Đồng Quản Trị đã chỉ đạo quyết liệt, thường xuyên và sát cánh cùng Ban điều hành để kịp thời đưa ra các quyết sách linh hoạt đảm bảo đúng định hướng “Tăng trưởng bền vững - hiệu quả hợp lý” cho Công ty và hỗ trợ Ban điều hành giải quyết các vấn đề phát sinh trong quản lý điều hành.

1. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc

Hội Đồng Quản Trị đã thực hiện tốt việc giám sát đối với Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty trong công tác triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Hội Đồng Quản Trị. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của Tổng giám đốc, Ban điều hành; kiểm tra tình hình chấp hành tuân thủ các quy định của Pháp luật đối với hoạt động của Công ty.

Niên độ 2016 - 2017, Tổng giám đốc và BĐH đã tích cực thực hiện các Quyết nghị của ĐHĐCĐ, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và các khuyến cáo của BKS. Hoạt động của Công ty luôn tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ và các Quy chế quản lý nội bộ. Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý đã nỗ lực phấn đấu và hoạt động có hiệu quả, giúp cho Công ty hoàn thành thắng lợi các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh.

2. Những hạn chế tồn tại

- Tính ổn định của vùng mía nguyên liệu vẫn chưa được đảm bảo, vẫn mang tính ngắn hạn chưa có kế hoạch phát triển mang tính bền vững dài hạn; chưa xây dựng được vùng diện tích sản xuất mía tập trung có nhiều lợi thế; cơ cấu bộ mía giống vẫn còn bất cập, khả năng chống chịu sâu bệnh và điều kiện thời tiết khí hậu chưa đáp ứng được nhu cầu đặt ra.



- Bộ máy nhân sự tuy đã được củng cố nhưng chất lượng nguồn nhân lực chưa cao, lao động chưa đáp ứng được yêu cầu vẫn còn khá lớn.

◀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NIÊN ĐỘ 2017 – 2018 ▶

1. Mục tiêu và nhiệm vụ năm 2017 - 2018

Mục tiêu và nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	798,0
Tổng chi phí	Tỷ đồng	742,2
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	55,8
Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	55,5
Chia cổ tức bằng tiền	30% / vốn điều lệ	
Đảm bảo việc làm và ổn định mức thu nhập cho người lao động.		
Nâng cao công suất dây chuyền chế biến đường đáp ứng chế biến kịp mùa vụ thu hoạch mía.		

2. Các kế hoạch, định hướng của Hội Đồng Quản Trị

Năm 2017 - 2018, HĐQT sẽ tập trung đẩy mạnh chỉ đạo một số hoạt động của Công ty như sau:

- Thực hiện quyền và trách nhiệm của HĐQT được quy định tại Điều lệ công ty, đảm bảo thực hiện mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông và quyền lợi của cổ đông;
- Xây dựng định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ 2017 – 2018 nhằm đảm bảo hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch và đạt mức tăng trưởng cao;
- Tiếp tục củng cố bộ máy tổ chức, nhân sự, tăng cường công tác đào tạo và nâng cao nghiệp vụ cho người lao động;
- Quan tâm, chia sẻ và bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa của các cổ đông cũng như quan tâm đến thu nhập, quyền lợi và điều kiện làm việc của toàn thể CBCNV trong Công ty;
- Đầu tư phát triển vùng nguyên liệu ổn định, lâu dài trên cơ sở đảm bảo lợi ích hài hòa của Công ty và người trồng mía.
- Hoàn thiện “Dự án đầu tư nâng công suất dây chuyền chế biến đường ổn định 5.000 TMN (Giai đoạn 2017-2018)” nhằm ổn định công suất và nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Phát triển sản phẩm cạnh đường và sau đường nhằm tạo giá trị gia tăng, giảm giá thành sản xuất.
- Phát triển kênh phân phối nhằm giữ vững và gia tăng thị phần tiêu thụ sản phẩm.
- Không ngừng nâng cao hiệu quả quản trị tài chính, hoàn thiện hệ thống quản lý, điều hành.
- Triển khai các giải pháp công nghệ thông tin, phương thức quản lý hiện đại nhằm tối ưu hóa nguồn lực Công ty.

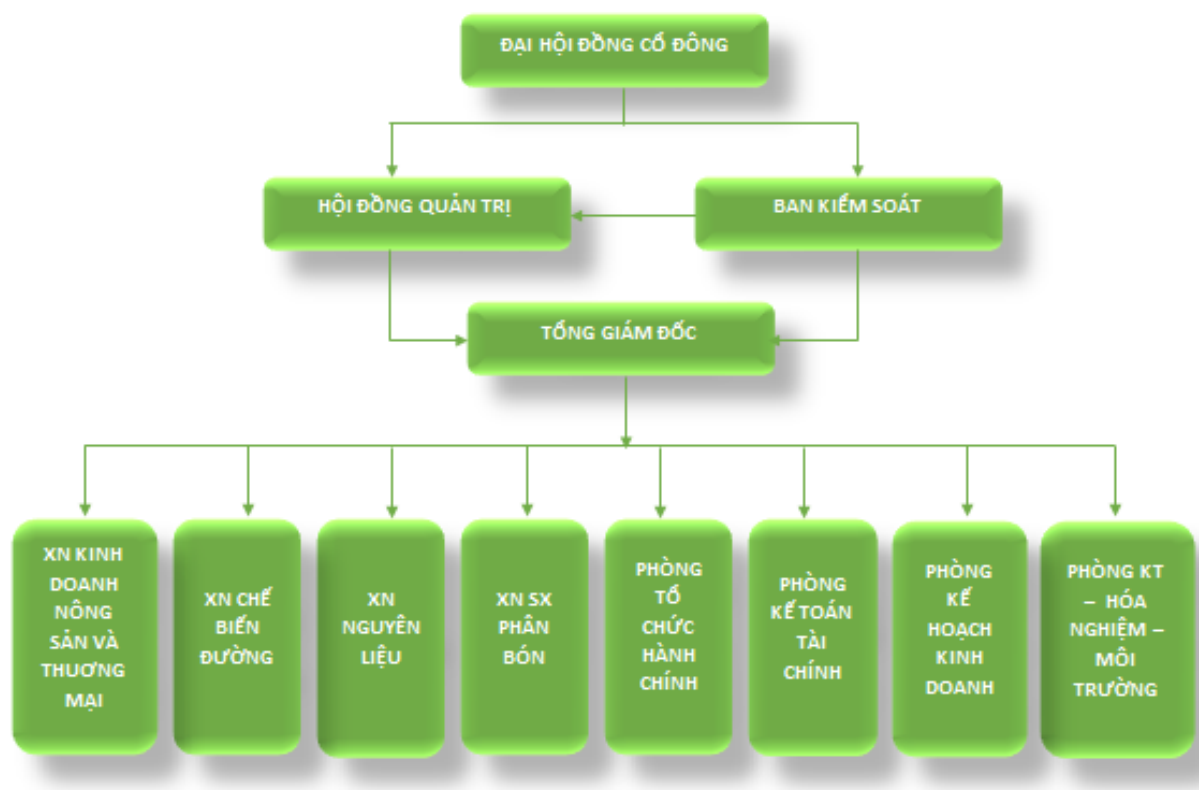
D. QUẢN TRỊ? CÔNG TY





◀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY ▶

Sơ đồ tổ chức



Chức năng nhiệm vụ của các bộ phận

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt, Đại hội đồng cổ đông sẽ thông qua các Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, bầu miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban kiểm soát của Công ty,...

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội Đồng Quản Trị là cơ quan quản lý Công ty gồm có năm thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm. Hội Đồng Quản Trị đại diện cho các cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát của Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, Báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội Đồng Quản Trị và Ban Giám đốc.



BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty hiện có 01 Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc thực hiện quyền và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và quy định của pháp luật, điều hành mọi hoạt động của Công ty và chịu trách nhiệm:

- Xây dựng định hướng phát triển của Công ty;
- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Chỉ đạo công tác tài chính, công tác tiêu thụ sản phẩm và công tác lao động – tiền lương của Công ty;
- Thực hiện việc báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Hội Đồng Quản Trị và Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị.

CÁC PHÒNG CHỨC NĂNG

Các phòng, ban chuyên môn giúp việc, xí nghiệp sản xuất do Tổng Giám đốc đề nghị, Hội Đồng Quản Trị quyết định thành lập hoặc giải thể khi thấy cần thiết.

- Phòng Tổ chức hành chính;
- Phòng Kế hoạch - Kinh doanh;
- Phòng Tài chính Kế toán;
- Phòng Kỹ thuật - Hóa nghiệm – Môi trường;
- Xí nghiệp Nguyên Liệu;
- Xí nghiệp Chế biến Đường;
- Xí nghiệp sản xuất Phân bón;
- Xí nghiệp Kinh doanh Nông sản và thương mại.

XÍ NGHIỆP NGUYÊN LIỆU

Có nhiệm vụ phát triển vùng nguyên liệu gồm: công tác quy hoạch, phân vùng, cơ cấu giống để đảm bảo năng suất, chất lượng mía. Thường xuyên kiểm tra xem xét các địa bàn trồng mía để có báo cáo cụ thể như: Diện tích, loại giống, sinh trưởng, sâu bệnh, cung cấp phân bón, thuốc trừ sâu, ước sản lượng. Lập kế hoạch chặt mía, giao nhận, kế hoạch vận chuyển mía về Công ty và phối hợp với Xí nghiệp chế biến đường để có kế hoạch chế biến mía cây phù hợp với điều kiện thời tiết và đảm bảo công suất phù hợp với dây chuyền chế biến đường. Khảo sát quy hoạch diện tích, có kế hoạch trồng mới cùng với các xã, hợp tác xã, huyện để có kế hoạch đầu tư phát triển năm sau. Đến năm 2015 diện tích vùng nguyên liệu mía của Công ty ổn định diện tích 5.200 ha và đến năm 2016 -2017 diện tích ổn định 6.100 ha. Hàng năm Công ty luôn thí điểm và nhân nhanh các giống mới có năng suất cao, chịu hạn tốt, trổ đường cao, để đưa vào sản xuất đại trà.

XÍ NGHIỆP CHẾ BIẾN ĐƯỜNG

Gồm 6 tổ sản xuất theo một dây chuyền nhất định. Cụ thể: Bộ phận cầu mía nhận mía từ trên các xe vận chuyển mía về nhà máy cầu mía xuống sân chờ hoặc đưa mía thẳng vào băng tải cán ép để ép thành nước mía hỗn hợp; từ nước mía hỗn hợp được bơm sang công đoạn làm sạch nước mía; nước

mía làm sạch qua lọc, hệ thống gia nhiệt bốc hơi rồi được đưa lên hệ thống nồi nấu; sau đó xuống trợ tinh - ly tâm và cuối cùng là phân loại, đóng gói Đường thành phẩm. Tổ hoạt động đồng hành hỗ trợ phục vụ cho quá trình sản xuất chế biến đường thành phẩm là tổ động lực phải cung cấp đủ điện, hơi, nhiệt, nước cho dây chuyền sản xuất.

XÍ NGHIỆP KINH DOANH NÔNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI

Hoạt động, sản xuất kinh doanh chính của Xí nghiệp gồm: Tổ chức thu mua, chế biến, tiêu thụ các sản phẩm nông sản và kinh doanh các mặt hàng vật tư, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, các loại hàng hóa sản phẩm thuộc các ngành hàng trong phạm vi giấy phép đăng ký kinh doanh của Công ty, thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng Giám đốc phân công.

XÍ NGHIỆP SẢN XUẤT PHÂN BÓN

Xí nghiệp sử dụng các sản phẩm phụ sau chế biến đường như bùn, bã mía, tro của đốt lò ủ men vi sinh sau đó trộn với một số loại phân hữu cơ để chế biến thành phân vi sinh, một loại phân đặc biệt thích hợp bón cho cây mía và cải tạo đất bị thoái hoá.

◀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ▶

1	Ông Đặng Việt Anh	Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị
2	Ông Trần Ngọc Hiếu	Phó Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị
3	Ông Nguyễn Thắng	Thành viên Hội Đồng Quản Trị
4	Bà Trần Thị Nhi	Thành viên Hội Đồng Quản Trị
5	Ông Thái Văn Hùng	Thành viên Hội Đồng Quản Trị

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám Đốc trong niên độ 2016 - 2017

Hội Đồng Quản Trị đã thực hiện nhiệm vụ giám sát hoạt động của Ban giám đốc thông qua:

- Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp giao ban công tác định kỳ của Ban Tổng giám đốc.
- Hội Đồng Quản Trị theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành sản xuất, kinh doanh thông qua các báo cáo, văn bản của Ban Tổng giám đốc Công ty gửi Hội Đồng Quản Trị.
- Hội Đồng Quản Trị phối hợp với Ban kiểm soát tổ chức hoạt động kiểm tra, giám sát đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh và Kiểm tra tình hình chấp hành tuân thủ các quy định của Pháp luật đối với hoạt động của Công ty.

Chủ tịch HĐQT điều hành các hoạt động của Hội Đồng Quản Trị theo đúng thẩm quyền, hoàn thành các mục tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và Hội Đồng Quản Trị ra quyết định.

Hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT: không có.



➤ **Các Nghị quyết, Quyết định của Hội Đồng Quản Trị 6 tháng cuối năm 2016**

Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
Số 51/NQ-HĐQT	26/07/2016	Thống nhất phê duyệt điều chỉnh Dự án đầu tư nâng công suất dây chuyền chế biến đường ổn định 4000TMN (giai đoạn 2016-2018) - Giai đoạn I (2016-2017) đạt công suất 3000TMN và thống nhất kế hoạch lựa chọn Nhà thầu.
Số 52/NQ-HĐQT	12/08/2016	Thông qua kế hoạch trồng mía vụ thu năm 2016.
Số 53/NQ-HĐQT	13/08/2016	Thống nhất thông qua một số nội dung về công tác phát triển vùng nguyên liệu mía; Công tác triển khai Dự án đầu tư năm 2016; Lập quỹ cho các hộ nghèo trồng mía vay không lãi. Chế độ quà cho CBCNLĐ nhân ngày 2/9 và Chi trang phục cho CBCNLĐ trong Công ty.
Số 54/NQ-HĐQT	16/08/2016	Thông qua miễn nhiệm chức danh phó Tổng giám đốc đối với Ông Đặng Xuân Phúc.
Số 55/NQ-HĐQT	18/08/2016	Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh niên vụ 2016-2017; Đồng ý thực hiện giao dịch vốn vay tín dụng tại Nhân hàng TMCP Công thương Việt Nam CN Sơn La.
Số 56/NQ-HĐQT	09/09/2016	Chỉ đạo công tác sản xuất mía nguyên liệu, chế biến Đường, Công tác triển khai Dự án đầu tư nâng cấp thiết bị và sản xuất đường tinh luyện. Thông qua kế hoạch SXKD năm 2016; Báo cáo tài chính đã được kiểm toán; Thống nhất triệu tập Đại hội ĐCĐTN 2016-2017; Thống nhất nội dung chương trình để trình ĐH ĐCĐ và phân công nhiệm vụ chuẩn bị cho tổ chức Đại hội.
Số 57/NQ-HĐQT	03/10/2016	Thống nhất cử Người Đại diện vốn góp và tham gia TV.HĐQT tại Công ty cổ phần Thức ăn chăn nuôi Thiên Lộc.
Số 58/NQ-HĐQT	08/10/2016	Thông qua việc Chi trả cổ tức đợt 2 năm 2016; Thông qua triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2016.
Số 59/NQ-HĐQT	10/10/2016	Phê duyệt kinh phí tài trợ 3 tỷ đồng cho huyện Mai Sơn xây dựng công trình Nhà lớp học.
Số 60/NQ-HĐQT	13/10/2016	Thống nhất phương án vay vốn, mở hạn mức tín dụng, phát hành bảo lãnh, đăng ký thế chấp tài sản tại Ngân hàng Quân Đội.
Số 61/NQ-HĐQT	27/10/2016	Thống nhất phê duyệt Kế hoạch bán đường cho Công ty TNHH Kim Hà Việt.
Số 62/NQ-HĐQT	03/11/2016	Thông qua phê duyệt chính sách thu mua, hỗ trợ quản lý mía sản xuất niên vụ 2016-2017 và chính sách phát triển đầu tư vùng nguyên liệu mía niên vụ 2017-2018.
Số 63/NQ-HĐQT	04/11/2016	Thống nhất phê duyệt Kế hoạch bán mật rỉ cho Công ty TNHH Thái Liên.

Số 64/NQ-HĐQT	30/11/2016	Phê duyệt đơn giá cước vận chuyển mía niên vụ sản xuất 2016-2017.
Số 65/NQ-HĐQT	06/12/2016	Sửa đổi, bổ sung nội dung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Mía đường Sơn La.
Số 66/NQ-HĐQT	26/12/2016	Thống nhất phê duyệt Kế hoạch bán đường cho Công ty TNHH Kim Hà Việt.

Số Quyết định	Ngày	Nội dung
Số 151/QĐ-HĐQT	05/07/2016	Quyết định Bổ nhiệm trợ lý Tổng giám đốc kiểm giám đốc xí nghiệp Chế biến Đường.
Số 154/QĐ-HĐQT	08/7/2016	Quyết định bán thanh lý 03 máy Biến tần che ép do không còn nhu cầu sử dụng.
Số 160/QĐ-HĐQT	11/07/2016	Quyết định miễn nhiệm, điều động và bổ nhiệm cán bộ quản lý Giám đốc xí nghiệp Nguyên Liệu và Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh.
Số 171/QĐ-HĐQT	22/07/2016	Quyết định phê duyệt Quỹ tiền lương khoán của xí nghiệp Kinh doanh Nông sản & thương mại và Cửa hàng xăng dầu được trích đến thời điểm 30/6/2016.
Số 172/QĐ-HĐQT	22/07/2016	Quyết định phê duyệt quyết toán Quỹ tiền lương thực hiện niên vụ 2015-2016 và Quỹ tiền lương chi trả từ ngày 01/12/2015 đến 30/6/2016 cho sản xuất đường và phân bón của Công ty cổ phần Mía đường Sơn La.
Số 187/QĐ-HĐQT	26/7/2016	Quyết định phê duyệt điều chỉnh Dự án đầu tư nâng công suất dây chuyền chế biến đường ổn định 4.000 TMN (giai đoạn 2016-2018) - Giai đoạn I (2016 – 2017) đạt công suất 3.000 TMN của Công ty cổ phần mía đường Sơn La.
Số 188/QĐ-HĐQT	26/7/2016	Quyết định Phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch lựa chọn Nhà thầu thực hiện các Gói thầu thuộc Dự án đầu tư nâng công suất dây chuyền chế biến đường ổn định 4.000 TMN (giai đoạn 2016-2018) – Giai đoạn I (2016 – 2017) đạt công suất 3.000 TMN của Công ty CP Mía đường Sơn La.
Số 191/QĐ-HĐQT	27/7/2016	Quyết định phê duyệt chủ chương thanh lý thiết bị, vật tư cũ không còn nhu cầu sử dụng hoặc không còn khả năng tái sử dụng.
Số 192/QĐ-HĐQT	28/7/2016	Quyết định bổ nhiệm Quyền Kế toán trưởng
Số 196/QĐ-HĐQT	28/7/2016	Quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu các Gói thầu thuộc Dự án đầu tư nâng công suất dây chuyền chế biến đường ổn định 4.000 TMN (giai đoạn 2016-2018).
Số 207/QĐ-HĐQT	04/8/2016	Quyết định kiện toàn lại Ban Quản lý dự án đầu tư nâng công suất dây chuyền chế biến đường ổn định 4.000 TMN (giai đoạn 2016-2018).
Số 217/QĐ-HĐQT	12/8/2016	Quyết định Phê duyệt điều chỉnh bổ sung Dự án đầu tư nâng công suất dây chuyền chế biến đường ổn định 4.000 TMN (giai đoạn 2016-2018) – Giai đoạn I (2016 – 2017) đạt công suất 3.000 TMN.



Số 219/QĐ-HĐQT	12/8/2016	Quyết định Phê duyệt điều chỉnh bổ sung Kế hoạch lựa chọn Nhà thầu Dự án đầu tư nâng công suất dây chuyền chế biến đường ổn định 4.000 TMN (giai đoạn 2016-2018) – Giai đoạn I (2016 – 2017) đạt công suất 3.000 TMN.
Số 220/QĐ-HĐQT	15/8/2016	Quyết định thành lập Ban Giám sát các gói thầu thuộc Dự án đầu tư nâng công suất dây chuyền chế biến đường ổn định 4.000 TMN (giai đoạn 2016-2018) – Giai đoạn I (2016 – 2017) đạt công suất 3.000 TMN.
Số 221/QĐ-HĐQT	16/8/2016	Quyết định miễn nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Mía đường Sơn La đối với ông Đặng Xuân Phúc do có đơn xin từ nhiệm.
Số 234/QĐ-HĐQT	23/8/2016	Quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu các gói thầu thuộc Dự án đầu tư nâng công suất dây chuyền chế biến đường ổn định 4.000 TMN (giai đoạn 2016-2018).
Số 246/QĐ-HĐQT	30/8/2016	Quyết định chi tiền quà cho CBCNLĐ nhân ngày Quốc khánh mừng 02/9.
Số 257/QĐ-HĐQT	06/9/2016	Quyết định kiện toàn lại Ban Quản lý dự án đầu tư nâng công suất dây chuyền chế biến đường ổn định 4.000 TMN (giai đoạn 2016-2018) (thay thế QĐ số 207 ngày 04/8/2016)
Số 258/QĐ-HĐQT	06/9/2016	Quyết định kiện toàn lại Hội đồng nghiệm thu các gói thầu thuộc Dự án đầu tư nâng công suất dây chuyền chế biến đường ổn định 4.000 TMN (giai đoạn 2016-2018) và nghiệm thu vật tư hàng hoá phục vụ bảo dưỡng sửa chữa và sản xuất năm 2016-2017 (thay thế QĐ số 234 ngày 23/8/2016)
Số 301/QĐ-HĐQT	18/10/2016	Quyết định phê duyệt kế hoạch mua sắm Máy xúc đào bánh lốp và búa phá đá.
Số 318/QĐ-HĐQT	04/11/2016	Quyết định phê duyệt kế hoạch mua sắm giàn rạch hàng 02 chảo để phục vụ công tác rạch hàng trồng mía cho vùng nguyên liệu của Công ty.
Số 335/QĐ-HĐQT	01/12/2016	Quyết định kiện toàn lại Hội đồng nghiệm thu các gói thầu thuộc Dự án đầu tư nâng công suất dây chuyền chế biến đường ổn định 4.000 TMN (giai đoạn 2016-2018) và nghiệm thu vật tư hàng hoá phục vụ bảo dưỡng sửa chữa và sản xuất năm 2016-2017 (thay thế QĐ số 258 ngày 06/9/2016).
Số 345/QĐ-HĐQT	06/12/2016	Quyết định sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Mía đường Sơn La.
Số 365/QĐ-HĐQT	26/12/2016	Quyết định phê duyệt lựa chọn Công ty kiểm toán thực hiện Kiểm toán báo cáo tài chính niên độ 2016-2017.
Số 366/QĐ-HĐQT	26/12/2016	Quyết định phê duyệt quyết toán kinh phí bảo dưỡng sửa chữa năm 2015.

➤ **Các Nghị quyết, Quyết định của Hội Đồng Quản Trị 6 tháng đầu năm 2017**

Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
Số 01/NQ-HĐQT	01/01/2017	Thông qua kế hoạch bán 500 tấn đường trắng RS cao cấp II.
Số 02/NQ-HĐQT	05/01/2017	Thông qua kế hoạch bán 1.000 tấn đường trắng RS cao cấp II và 200 tấn đường RS loại I.
Số 03/NQ-HĐQT	06/01/2017	Thông qua kế hoạch bán 2.000 tấn mật rỉ.
Số 04/NQ-HĐQT	06/01/2017	Thông nhất phê duyệt Dự án đầu tư nâng công suất dây chuyền chế biến đường ổn định 4000TMN (giai đoạn 2017-2018) và thông nhất kế hoạch lựa chọn Nhà thầu.
Số 05/NQ-HĐQT	09/01/2017	Thông qua kế hoạch bán 1.000 tấn đường trắng RS cao cấp II.
Số 06/NQ-HĐQT	11/01/2017	Thông qua kế hoạch bán 200 tấn đường trắng RS loại I.
Số 07/NQ-HĐQT	12/01/2017	Thông qua kế hoạch bán 1.000 tấn đường trắng RS cao cấp II.
Số 08/NQ-HĐQT	17/01/2017	Thông qua kế hoạch bán 1.000 tấn đường trắng RS cao cấp II.
Số 09/NQ-HĐQT	18/01/2017	Thông qua kế hoạch bán 58,2 tấn đường hồi dung sản xuất niên vụ 2016/2017.
Số 10/NQ-HĐQT	20/01/2017	Thông qua kế hoạch bán 300 tấn đường trắng RS loại I.
Số 11/NQ-HĐQT	24/01/2017	Thông qua kế hoạch bán 1.000 tấn đường trắng RS cao cấp II.
Số 12/NQ-HĐQT	06/02/2017	Thông qua kế hoạch bán 500 tấn đường trắng RS loại I.
Số 13/NQ-HĐQT	14/02/2017	Thông qua kế hoạch bán 2.000 tấn mật rỉ.
Số 14/NQ-HĐQT	20/02/2017	Thông qua kế hoạch bán 500 tấn đường trắng RS cao cấp II.
Số 15/NQ-HĐQT	24/02/2017	Thông qua kế hoạch bán 1.000 tấn đường trắng RS loại I.
Số 16/NQ-HĐQT	02/3/2017	Thông qua kế hoạch bán 500 tấn đường trắng RS loại I và 500 tấn đường trắng RS cao cấp loại II.
Số 17/NQ-HĐQT	02/3/2017	Thông qua kế hoạch bán 2.000 tấn đường trắng RS cao cấp II.
Số 18/NQ-HĐQT	09/3/2017	Thông qua kế hoạch bán 2.000 tấn đường trắng RS cao cấp II.
Số 19/NQ-HĐQT	12/3/2017	Thông qua kế hoạch bán 1.000 tấn đường trắng RS cao cấp II.
Số 20/NQ-HĐQT	16/3/2017	Thông qua kế hoạch bán 100 tấn đường trắng RS loại I và 900 tấn đường trắng RS cao cấp loại II.



Số 21/NQ-HĐQT	20/3/2017	Thống nhất chuyển nhượng cổ phần của Công ty cổ phần Mía đường Sơn La đầu tư tại Công ty cổ phần thức ăn chăn nuôi Thiên Lộc.
Số 22/NQ-HĐQT	25/3/2017	Thông qua kế hoạch bán 1.000 tấn đường trắng RS cao cấp II.
Số 23/NQ-HĐQT	29/3/2017	Thông qua kế hoạch bán 1.000 tấn đường trắng RS cao cấp II.
Số 24/NQ-HĐQT	03/4/2017	Thông qua kế hoạch bán 1.000 tấn đường trắng RS cao cấp II.
Số 25/NQ-HĐQT	12/4/2017	Thông qua kế hoạch bán 800 tấn đường trắng RS cao cấp II.
Số 26/NQ-HĐQT	15/4/2017	Thống nhất phê duyệt điều chỉnh “Dự án đầu tư nâng công suất dây chuyền chế biến đường ổn định công suất 4.000TMN (Giai đoạn 2017-2018)” thành Dự án đầu tư nâng công suất dây chuyền chế biến đường ổn định công suất 5.000TMN (Giai đoạn 2017-2018).
Số 27/NQ-HĐQT	18/4/2017	Thông qua kế hoạch bán 500 tấn đường trắng RS cao cấp II và 3.000 tấn mật rỉ.
Số 28/NQ-HĐQT	21/4/2017	Thông qua kế hoạch bán 500 tấn mật rỉ.
Số 29/NQ-HĐQT	03/5/2017	Thông qua kế hoạch bán 5.000 tấn đường trắng RS cao cấp II.
Số 30/NQ-HĐQT	17/5/2017	Thông qua kế hoạch vay vốn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Sơn La để đầu tư “Dự án đầu tư nâng công suất dây chuyền chế biến đường ổn định công suất 5.000 TMN (Giai đoạn 2017 – 2018)”
Số 31/NQ-HĐQT	13/6/2017	Thông qua kế hoạch bán 3.000 tấn đường trắng RS cao cấp II.
Số 32/NQ-HĐQT	19/6/2017	Thông qua kế hoạch bán 500 tấn đường trắng RS cao cấp II.
Số 33/NQ-HĐQT	23/6/2017	Thông qua kế hoạch bán 500 tấn đường trắng RS cao cấp II.
Số 34/NQ-HĐQT	23/6/2017	Thông qua kế hoạch vay vốn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sơn La để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư vùng nguyên liệu mía niên vụ sản xuất năm 2017-2018.

Số Quyết định	Ngày	Nội dung
02/QĐ-HĐQT	06/01/2017	Quyết định phê duyệt Dự án đầu tư nâng công suất dây chuyền chế biến đường ổn định công suất 4.000TMN (Giai đoạn 2017-2018).
03/QĐ-HĐQT	06/01/2017	Quyết định phê duyệt Kế hoạch lựa chọn Nhà thầu các gói thầu thuộc Dự án đầu tư nâng công suất dây chuyền chế biến đường ổn định công suất 4.000TMN (Giai đoạn 2017-2018).
04/QĐ-HĐQT	06/01/2017	Quyết định phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính niên vụ 2016-2017.
07/QĐ-HĐQT	13/01/2017	Quyết định phê duyệt kế hoạch mua và giá mua phân bón Đầu tư cho vùng nguyên liệu niên vụ 2017 - 2018.
24/QĐ-HĐQT	18/02/2017	Quyết định Bổ nhiệm Kế toán Trưởng.
35/QĐ-HĐQT	27/02/2017	Quyết định Kiện toàn Ban Quản lý dự án đầu tư nâng công suất dây chuyền chế biến đường ổn định 4.000TMN (Giai đoạn 2016-2018) và Dự án bổ sung thiết bị ổn định chất lượng sản phẩm đường tinh luyện. <i>(thay thế QĐ số 257/QĐ-HĐQT ngày 06/9/2016)</i> .
36/QĐ-HĐQT	27/02/2017	Quyết định Thành lập Tổ giúp việc Ban Quản lý án, Công ty CP Mía đường Sơn La.
43/QĐ-HĐQT	06/3/2017	Quyết định phê duyệt điều chỉnh giá thu mua mía cho các hộ có diện tích mía thu hoạch muộn năm 2017.
49/QĐ-HĐQT	22/3/2017	Quyết định sửa đổi, bổ sung Quy chế Quản lý tài chính của Công ty cổ phần Mía đường Sơn La. <i>(thay thế cho QĐ số 135/QĐ-HĐQT ngày 26/11/2015)</i> .
50/QĐ-HĐQT	22/3/2017	Quyết định sửa đổi, bổ sung Quy chế Mua sắm hàng hoá của Công ty CP Mía đường Sơn La <i>(thay thế cho QĐ số 34/QĐ-HĐQT ngày 01/3/2016)</i> .
51/QĐ-HĐQT	22/3/2017	Quyết định sửa đổi, bổ sung Quy chế Chi tiêu nội bộ của Công ty CP Mía đường Sơn La <i>(thay thế cho QĐ số 137/QĐ-HĐQT ngày 26/11/2015)</i> .
61/QĐ-HĐQT	15/4/2017	Quyết định phê duyệt điều chỉnh “Dự án đầu tư nâng công suất dây chuyền chế biến đường ổn định công suất 4.000TMN (Giai đoạn 2017-2018)” thành Dự án đầu tư nâng công suất dây chuyền chế biến đường ổn định công suất 5.000TMN (Giai đoạn 2017-2018).
62/QĐ-HĐQT	15/4/2017	Quyết định phê duyệt Kế hoạch lựa chọn Nhà thầu các gói thầu thuộc Dự án đầu tư nâng công suất dây chuyền chế biến đường ổn định 5.000TMN (Giai đoạn 2017-2018).
79/QĐ-HĐQT	05/6/2017	Quyết định phê duyệt kế hoạch và giá bán thanh lý phế liệu.
94/QĐ-HĐQT	21/6/2017	Quyết định phê duyệt Kế hoạch xây dựng bản đồ số hoá cho diện tích vùng nguyên liệu mía của Công ty.



◀ BAN KIỂM SOÁT ▶

- | | | |
|---|-----------------------------|--------------------------|
| 1 | Bà Nguyễn Thị Thủy | Trưởng Ban Kiểm Soát |
| 2 | Ông Nguyễn Minh Hùng | Thành viên Ban Kiểm Soát |
| 3 | Ông Đặng Tuấn Thắng | Thành viên Ban Kiểm Soát |

Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với Hội Đồng Quản Trị, Ban giám đốc điều hành và cổ đông ➤ 6 tháng cuối năm 2016

Trong 6 tháng cuối năm 2016 BKS đã tổ chức 3 đợt kiểm tra hoạt động SXKD; Soát xét Quỹ tiền lương thực hiện, Thẩm định báo cáo tài chính niên độ tài chính chuyển đổi từ 01/01/2016 đến hết 30/6/2016; Kiểm tra quyết toán kinh phí bảo dưỡng sửa chữa niên vụ 2015- 2016; Kiểm tra công tác đầu tư và thu hồi nợ đầu tư vụ 2015 - 2016. Kiểm tra Công tác mua sắm vật tư, nghiệm thu, tiêu thụ sản phẩm; công tác kiểm kê và hồ sơ Dự án đầu tư của Công ty.

Các Kiểm soát viên đã chủ động thực hiện nhiệm vụ được phân công bằng công tác kiểm tra, giám sát trực tiếp và thông qua báo cáo của HĐQT và BDH gửi cho BKS.

Ban kiểm soát đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và 1 số cuộc họp của BDH. Thông qua việc kiểm tra, giám sát BKS đã kiến nghị với HĐQT, BDH một số giải pháp tích cực trong công tác quản lý, điều hành, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ SXKD năm 2016 của Công ty.

➤ 6 tháng đầu năm 2017

Trong 6 tháng đầu năm 2017 BKS đã tổ chức 3 đợt kiểm tra: Kiểm tra hoạt động SXKD của công ty từ tháng 01 đến tháng 4 năm 2017; Thẩm định báo cáo tài chính 9 tháng đầu niên độ tài chính (30/6/2016 – 01/7/2017); Kiểm tra quyết toán kinh phí bảo dưỡng sửa chữa năm 2016 (vật tư và tiền lương); Kiểm tra kinh doanh nông sản và xăng dầu 9 tháng đầu niên độ tài chính 2016-2017; Kiểm tra tình hình chi tiêu nội bộ; Kiểm tra công tác nguyên liệu thu hồi nợ đầu tư vụ 2016-2017; Kế hoạch đầu tư cho vùng nguyên liệu mía niên vụ 2017-2018; Kiểm tra Công tác mua sắm vật tư, nghiệm thu, tiêu thụ sản phẩm và các phụ phẩm; Công tác mua sắm, nghiệm thu, xuất tiêu thụ hoặc sử dụng vật tư, phụ tùng, dụng cụ, phân bón; Kiểm tra công tác sản xuất chế biến đường niên vụ 2016-2017; Kiểm tra công tác triển khai Dự án đầu tư nâng công suất dây chuyền chế biến đường ổn định công suất 4.000TMN (Giai đoạn 2017-2018) và Dự án bổ sung thiết bị ổn định chất lượng sản phẩm đường tinh luyện; Công tác kiểm kê và hồ sơ Dự án đầu tư của Công ty năm 2016.

Các Kiểm soát viên đã chủ động thực hiện nhiệm vụ được phân công bằng công tác kiểm tra, giám sát trực tiếp và thông qua báo cáo của HĐQT và BDH gửi cho BKS.

Ban kiểm soát đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và 1 số cuộc họp của BDH. Thông qua việc kiểm tra, giám sát BKS đã kiến nghị với HĐQT, BDH một số giải pháp tích cực trong công tác quản lý, điều hành, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ SXKD năm 2016 của Công ty.

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát đối với hoạt động của HĐQT, Ban giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

Trong 6 tháng cuối năm 2016 và 6 tháng đầu năm 2017, BKS luôn nhận được sự hợp tác tích cực của HĐQT và BDH, các cuộc họp của HĐQT đều mời BKS tham gia, các chủ trương lớn, các quyết định quan trọng BDH đều gửi tài liệu cho BKS. Phần lớn các đề xuất, kiến nghị của BKS đều được HĐQT, BDH tiếp thu, ghi nhận và thực hiện.

Hoạt động khác của Ban kiểm soát: không có.

◀ LƯƠNG, THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, THƯ KÝ CÔNG TY ▶

Số thứ tự	Họ và tên	Chức danh	Số tháng	Mức thù lao/tháng (triệu đồng)	Tổng (triệu đồng)
I	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ				
1	Đặng Việt Anh	Chủ tịch HĐQT	12	15	180
2	Trần Ngọc Hiếu	Phó Chủ tịch HĐQT	12	12	144
3	Trần Thị Nhi	Thành viên HĐQT	12	8	96
4	Đặng Xuân Phúc	Thành viên HĐQT	2,5	8	20
5	Thái Văn Hùng	Thành viên HĐQT	9	8	72
6	Nguyễn Văn Thắng	Thành viên HĐQT	12	8	96
II	BAN KIỂM SOÁT				
1	Nguyễn Thị Thủy	Trưởng BKS	12	8	96
2	Nguyễn Minh Hùng	Thành viên BKS	12	4	48
3	Đặng Tuấn Thắng	Thành viên BKS	12	4	48
III	THƯ KÝ CÔNG TY				
1	Phan Thị Hồng Duyên	Thư ký	12	4	48
	TỔNG CỘNG				848

◀ CÁC GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ: không có.





E. PHÁT TRIỂN
BỀN VỮNG



◀ CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ▶

- Tập trung đầu tư phát triển vùng nguyên liệu để đảm bảo sự phát triển bền vững và lâu dài. Xây dựng nguồn mía nguyên liệu tại chỗ, tạo công ăn việc làm cho lao động địa phương. Hỗ trợ về vốn, giống, phương tiện kỹ thuật để bà con nông dân thực hiện chuyên canh cây mía. Hỗ trợ nông dân thay đổi giống mía mới phù hợp thổ nhưỡng, có năng suất, chữ đường cao, có khả năng chống chịu thời tiết bất lợi, sâu bệnh, sâu bệnh; triển khai thực hiện cánh đồng mía lớn; đầu tư thủy lợi và tưới tiêu...



- Duy trì và phát huy đẩy nhanh hơn nữa tốc độ tăng trưởng của công ty, tối đa hóa lợi ích của khách hàng để tạo giá trị gia tăng chung cho Công ty và xã hội.
- Xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông vận tải vùng nguyên liệu, phục vụ cho chính nhu cầu Công ty và cả địa phương.
- Bên cạnh đó chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, luôn quan tâm và đầu tư công tác bảo vệ môi trường, hệ thống xử lý nước thải, trồng cây xanh, vệ sinh công nghiệp.



Hệ thống sản xuất với không gian xanh tại CTCP Mía Đường Sơn La



◀ CHƯƠNG TRÌNH CHÍNH ĐỂ THỰC HIỆN MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ▶

- Nghị quyết số 31/NQ- HĐQT ngày 22/4/2016: Thống nhất đổi đường không đảm bảo chất lượng cho khách hàng
- Nghị quyết số 32/NQ- HĐQT ngày 23/4/2016 Đầu tư nâng công suất dây chuyền chế biến đường ổn định 4.000TMN (giai đoạn 2016-2018) – Giai đoạn 1 (2016 - 2017) đạt công suất 3000TMN.
- Nghị quyết số 36/NQ- HĐQT ngày 7/5/2016: Thống nhất thuê đơn vị tư vấn nước ngoài khảo sát đánh giá toàn bộ dây chuyền SX đường RS và lập phương án đầu tư thiết bị ổn định công suất 3000 TMN vụ 2016- 2017 và 4000 TMN vụ 2017-2018; Đánh giá và giải quyết dứt điểm các nhược điểm của dây chuyền RE; Xây dựng kế hoạch phát triển ổn định vùng nguyên liệu mía và một số nội dung khác.
- Nghị quyết số 49/NQ- HĐQT ngày 18/6/2016 : Phê duyệt kế hoạch bổ sung thêm một số thiết bị cho dây chuyền đường RE; công tác đào tạo và tuyển dụng công nhân kỹ thuật và kế hoạch thuê đơn vị tư vấn và xây dựng hệ thống ISO cho sản xuất đường.

◀ CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ▶

Trong niên vụ sản xuất vừa qua, công ty đã tăng cường quản lý sản xuất, hạn chế tối đa các nguồn phát sinh nước thải, nước được tuần hoàn tái sử dụng sau khi xử lý vào sản xuất và tích cực áp dụng các giải pháp sản xuất sạch hơn đáp ứng nhu cầu phát triển và mở rộng sản xuất của Công ty trong tương lai. Đối với chất thải: Bã mía, bã bùn và tro lò được sử dụng dùng làm nguyên liệu đốt và tận dụng triệt để làm nguyên liệu cho sản xuất phân vi sinh. Các chất thải sinh hoạt và rác thải thông thường công ty đã đăng ký với môi trường của Huyện để thu gom. Các chất thải rắn nguy hại khác thì được thu gom lại kho chứa, công ty đã mời đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý. Đối với tiếng ồn, độ rung chủ yếu là các động cơ ô tô vận chuyển hàng hoá, các loại động cơ trong dây chuyền sản xuất. Hiện nay công ty đã thay thế các thiết bị có tiếng ồn cao bán tự động chuyển sang tự động hoàn toàn do đó tiến ồn trong dây chuyền đã được cải thiện tốt.

Từ năm 2014, Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La đã tổ chức khởi công dự án xử lý nước thải có công suất 900m³/ngày đêm. Dự án có tổng vốn đầu tư khoảng 7 tỷ đồng và được đưa vào vận hành vào cuối năm 2014.

Lễ khởi công dự án xử lý nước thải năm 2014 của CTCP Mía đường Sơn La





◀ CÔNG TÁC LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG

VÀ CHĂM LO ĐỜI SỐNG CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG ▶

1. Công tác lao động

Công tác tổ chức lao động niên vụ 2016 - 2017: Công ty đã sắp xếp lại lao động để ổn định công tác tổ chức, đáp ứng được chất lượng công việc nhằm nâng cao thu nhập cho người lao động, giảm chi phí SXKD. Định biên lao động niên vụ 2016 - 2017 là 363 người, tăng 19 người so với vụ 2015 -2016, nguyên nhân là do tăng nhân viên kiểm soát nội bộ vùng nguyên liệu, nhân viên đội xe, máy; nhân viên khuyến nông do mở rộng vùng nguyên liệu mía.

2. Công tác tiền lương niên độ 2016 - 2017

Ban điều hành Công ty luôn xác định thu nhập là yếu tố quan trọng để người lao động gắn bó với Công ty, nên Công ty luôn quan tâm nâng cao năng lực sản xuất tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động. Năm 2016 - 2017, tiền lương bình quân của người lao động là 6.500.000 đồng/người/tháng.

3. Công tác thi đua khen thưởng và chăm lo đời sống cho người lao động

Công tác thi đua khen thưởng: Để động viên khuyến khích người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo trong công việc, niên vụ 2016 - 2017 Công ty đã khen thưởng đột xuất 50 triệu đồng cho xí nghiệp Nguyên liệu và hiện đang tổ chức bình xét cho các tập thể, cá nhân đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất theo Quy chế Thi đua khen thưởng của Công ty.

Công tác chăm lo đời sống cho người lao động: Năm 2016 - 2017 Hội đồng quản trị đã phê duyệt chi quà nhân dịp các ngày lễ tết, ngày vào vụ sản xuất, ngày Hội Nghị Người lao động với tổng kinh phí tiền quà là 2.223.300.000 đồng, nguồn kinh phí được chi từ quỹ phúc lợi của Công ty.



F. BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2016 - 2017

ings

\$ 67,228,166

\$ 13,946,511

6,504,606

1,960,477

7,736,223

5,825,769

\$ 35,973,586

\$ 31,254,580

\$ 3,599,566

\$ 27,655,014

Dividends
41%

Shares

1000

2000

3000

4000



Member Profit
& Benefits
10%

Loans

\$900

800

700

\$733.4

2004

2005

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La trình bày Báo cáo cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La (gọi tắt “Công ty”) tên giao dịch quốc tế là SON LA SUGAR JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là SLS, tiền thân là Nhà máy Đường Sơn La trực thuộc Nông trường quốc doanh Tô Hiệu Sơn La. Công ty được thành lập theo Quyết định số 2761/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5500155321 ngày 20/02/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp, thay đổi lần thứ 07 ngày 09/02/2017.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: SLS

Trụ sở chính của Công ty tại Km 34, Quốc lộ 6, Thị trấn Hát Lót, Huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Đặng Việt Anh	Chủ tịch HĐQT
	Ông Trần Ngọc Hiếu	Phó Chủ tịch HĐQT
	Ông Đặng Xuân Phúc	Thành viên (miễn nhiệm ngày 08/10/2016)
	Ông Nguyễn Văn Thắng	Thành viên
	Bà Trần Thị Bích Nhi	Thành viên
	Ông Thái Văn Hùng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 08/10/2016)

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này:

Ban Giám đốc	Ông Trần Ngọc Hiếu	Tổng Giám đốc
	Ông Đặng Xuân Phúc	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 16/8/2016)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)****TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,

Trần Ngọc Hiếu

Tổng Giám đốc

Sơn La, ngày 08 tháng 09 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30/6/2017
của Công ty cổ phần Mía đường Sơn La

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty cổ phần Mía đường Sơn La

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Mía đường Sơn La, được lập ngày 10 tháng 03 năm 2017, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/06/2017, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vũ Ngọc Ân**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2015-137-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens***Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2017*

Bùi Thị Thúy**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2015-137-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2017	01/07/2016
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		539.713.543.794	240.161.583.556
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	22.645.337.844	24.913.023.046
1. Tiền	111		5.945.337.844	913.023.046
2. Các khoản tương đương tiền	112		16.700.000.000	24.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		299.135.192.190	158.331.170.691
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	124.518.629.081	33.867.757.771
2. Trả trước cho người bán	132	5.3	89.849.869.046	59.105.587.614
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	9.400.000.000	9.400.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	87.004.974.728	65.099.105.900
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(11.870.766.072)	(9.141.280.594)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		232.485.407	-
IV. Hàng tồn kho	140	5.7	212.323.723.758	56.512.493.445
1. Hàng tồn kho	141		212.995.154.284	56.512.493.445
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(671.430.526)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.609.290.002	404.896.374
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	435.374.665	85.791.606
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.173.915.337	38.675.476
3. Thuế và các khoản khác phải thu NN	153		-	280.429.292
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		374.955.923.162	166.899.438.162
II. Tài sản cố định	220		359.535.682.494	138.672.621.671
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	358.544.732.729	137.786.449.876
- Nguyên giá	222		532.027.558.317	282.685.253.097
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(173.482.825.588)	(144.898.803.221)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	990.949.765	886.171.795
- Nguyên giá	228		1.555.631.834	1.429.666.774
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(564.682.069)	(543.494.979)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.11	12.323.405.215	24.605.334.132
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		12.323.405.215	24.605.334.132
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	3.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	3.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.096.835.453	621.482.359
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	2.958.145.453	621.482.359
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		138.690.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		914.669.466.956	407.061.021.718

Mẫu B 01- DN



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

NGUỒN VỐN	MS	30/06/2017	01/07/2016
		VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300	494.269.955.860	137.935.187.133
I. Nợ ngắn hạn	310	324.244.196.252	88.799.811.084
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311 5.12	36.897.674.406	10.716.765.516
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	26.461.491.501	35.459.642.501
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313 5.13	788.701.453	2.317.088.928
4. Phải trả người lao động	314	1.128.493.158	7.813.053.393
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315 5.14	2.170.390.084	66.433.034
9. Phải trả ngắn hạn khác	319 5.15	1.349.274.328	2.113.441.271
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320 5.16	251.705.361.282	23.635.006.721
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	3.742.810.040	6.678.379.720
II. Nợ dài hạn	330	170.025.759.608	49.135.376.049
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338 5.16	170.025.759.608	49.135.376.049
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400	420.399.511.096	269.125.834.585
I. Vốn chủ sở hữu	410 5.17	420.399.511.096	269.125.834.585
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	81.599.830.000	68.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	81.599.830.000	68.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	3.998.638.028	3.998.638.028
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	41.607.779.802	36.607.779.802
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	6.800.000.000	6.800.000.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	286.393.263.266	153.719.416.755
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	123.319.416.755	48.226.374.293
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	163.073.846.511	105.493.042.462
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440	914.669.466.956	407.061.021.718

Sơn La, ngày 08 tháng 9 năm 2017

Người lập biểu

Trưởng phòng TCKT

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thu Hồng

Nguyễn Thị Khương

Trần Ngọc Hiếu



Mẫu B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2017

**Từ 01/07/2016
đến 30/06/2017**

CHỈ TIÊU	MS	TM	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.18	537.568.786.821
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		257.523.810
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		537.311.263.011
4. Giá vốn hàng bán	11	5.19	340.729.215.758
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		196.582.047.253
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.20	7.518.552.865
7. Chi phí tài chính	22	5.21	15.808.469.054
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		15.808.469.054
8. Chi phí bán hàng	25	5.22	2.601.909.208
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.22	21.908.676.278
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22) + 24 - (25+26)}	30		163.781.545.578
11. Thu nhập khác	31		3.436.525.420
12. Chi phí khác	32		3.568.927.066
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.23	(132.401.646)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		163.649.143.932
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.24	575.297.421
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		163.073.846.511
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.25	21.318

Sơn La, ngày 08 tháng 09 năm 2017

Người lập biểu

Trưởng phòng TCKT

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thu Hồng

Nguyễn Thị Khương

Trần Ngọc Hiếu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Mẫu B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2017

CHỈ TIÊU	Từ 01/07/2016 đến 30/06/2017	
	MS	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	163.649.143.932
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản</i>		
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	29.127.025.340
- Các khoản dự phòng	03	3.400.916.004
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(9.351.596.930)
- Chi phí lãi vay	06	15.808.469.054
3. <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	202.633.957.400
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(145.126.949.364)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(156.482.660.839)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	23.649.727.302
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(2.686.246.153)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(15.808.469.054)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(312.594.436)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(7.938.569.680)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(102.071.804.824)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(239.275.171.363)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	3.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.518.552.865
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(228.756.618.498)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
3. Tiền thu từ đi vay	33	421.462.713.117
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(72.501.974.997)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(20.400.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	328.560.738.120
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(2.267.685.202)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	24.913.023.046
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	22.645.337.844

Sơn La, ngày 08 tháng 09 năm 2017

Người lập biểu

Trưởng phòng TCKT

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thu Hồng

Nguyễn Thị Khương

Trần Ngọc Hiếu



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 5500155321, đăng ký lần đầu ngày 20/02/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp, thay đổi lần thứ 07 ngày 09/02/2017. Vốn điều lệ là 81.599.830.000 đồng.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: SON LA SUGAR JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt là: SLS

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: SLS

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	30/06/2017 VND	Tỷ lệ sở hữu
Bà Trần Thị Thái	2.238.379	22.383.793.367	27%
Công ty TNHH Thái Liên	1.223.997	12.239.974.500	15%
Cán bộ Công nhân viên và Cổ đông khác	4.697.606	46.976.062.133	58%
Tổng	8.159.983	81.599.830.000	100%

Trụ sở chính của Công ty tại Km 34, Quốc lộ 6, Thị trấn Hát Lót, Huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La.

Số lao động bình quân: 287 người

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất đường (chi tiết: Sản xuất đường, chế biến và kinh doanh các sản phẩm sau đường);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (chi tiết: Dịch vụ vận tải);
- Chăn nuôi trâu, bò (chi tiết: Chăn nuôi bò sữa, bò thịt);
- Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa (chi tiết: chế biến sữa, bò thịt);
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (chi tiết: Cho thuê kho, đại lý ký gửi hàng hóa);
- Sản xuất cồn, nha và nước uống có cồn; Sản xuất nước uống không cồn; Chế biến các sản phẩm nông sản (trừ chè, cà phê); Kinh doanh các sản phẩm nông sản (trừ chè, cà phê);
- Chế biến thức ăn gia súc; Kinh doanh thức ăn gia súc; Sữa chữa máy móc thiết bị;
- Sản xuất và cung ứng giống cây, con, tiêu thụ sản phẩm; Kinh doanh thương mại; Cung ứng vật tư nguyên liệu; Nghiên cứu và phát triển khoa học nông nghiệp; Dịch vụ làm đất, nông, lâm nghiệp;
- Sản xuất phân vi sinh, kinh doanh phân bón các loại;
- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng: gạch, đá, cát, xi măng, sắt, thép, các loại.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là chế biến và kinh doanh các sản phẩm đường và sau đường, kinh doanh xăng dầu, phân bón, phân đạm.

1.3. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày



BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 07 năm trước và kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm sau. Công ty áp dụng năm tài chính mới từ ngày 01/07/2016.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2017.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Là các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.



Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...

Phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình (Tiếp theo)

b. *Phương pháp khấu hao*

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Từ 01/07/2016 đến 30/6/2017
	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc và thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 15
Thiết bị dụng cụ, quản lý	03 - 08

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất không thời hạn và phần mềm tin học. Tài sản là quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian sử dụng hữu ích của công cụ, dụng cụ nhưng không quá 3 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09 - DN**

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế.

Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty đang được miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động chế biến nông sản theo quy định tại khoản 2, Điều 10 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ban hành ngày 22/6/2015 của Bộ tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN

những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là sản xuất mía đường, mật rỉ, kinh doanh xăng dầu, nông sản và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2017	01/07/2016
	VND	VND
Tiền mặt	713.444.850	146.088.674
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.231.892.994	766.934.372
Các khoản tương đương tiền (*)	16.700.000.000	24.000.000.000
Tổng	22.645.337.844	24.913.023.046

(*) Khoản tiền gửi Ngân hàng có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng Công Thương Sơn La

5.2 Các khoản phải thu khách hàng

	30/06/2017	01/07/2016
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	124.518.629.081	33.867.757.771
Công ty TNHH Thương mại XNK Ngọc Quỳnh	62.160.000	62.160.000
Công ty TNHH TM Bình Anh	1.400.000.000	1.400.000.000
Công ty CP Vương Quốc Việt	29.740.000.000	-
Công ty TNHH An Hà	31.475.000.000	-
Công ty TNHH Nam Phương Hà Tiên	13.067.166.667	-
Công ty trách nhiệm hữu hạn Kim Hà Việt	46.735.223.699	32.035.229.553
Phải thu ngắn hạn khách hàng khác	2.039.078.715	370.368.218
Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan		
Công ty trách nhiệm hữu hạn Kim Hà Việt	46.735.223.699	32.035.229.553
Tổng	124.518.629.081	33.867.757.771



5.3 Trả trước cho người bán

	30/06/2017 VND	01/07/2016 VND
Trả trước người bán ngắn hạn	89.849.869.046	59.105.587.614
Công ty cổ phần cơ điện và xây lắp Hùng Vương	15.542.152.950	11.820.152.800
Công ty TNHH Vĩnh Trị	6.963.752.001	7.506.987.771
Công ty TNHH TMDVKT Vũ Lê	8.677.183.900	-
ULK INDUSTRIES LTD	13.779.363.500	-
GLOBAL CANESUGAR SERVICER PRIVATE LIM	14.129.277.200	-
Công ty TNHH Mạc Tích	-	3.537.325.000
Công ty TNHH Thiết Bị và giải pháp Năng Lượng	-	5.050.688.800
TRIVENI TURBINE LIMITED	-	7.588.515.000
Trả trước người bán ngắn hạn khác	30.758.139.495	23.601.918.243
Tổng	89.849.869.046	59.105.587.614

5.4 Phải thu về cho vay

	30/06/2017 VND	01/07/2016 VND
Ngắn hạn	9.400.000.000	9.400.000.000
Công ty Xi măng Bắc Cạn	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty CP nhựa Trường Thịnh	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty CP Xây dựng cầu đường 19	1.400.000.000	1.400.000.000
Tổng	9.400.000.000	9.400.000.000

5.5 Các khoản phải thu khác

	30/06/2017		01/07/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	87.004.974.728	-	65.099.105.900	-
Phải thu đầu tư vùng nguyên liệu (*)	85.119.070.317	-	63.876.829.521	-
Phải thu tiền hàng cửa hàng xăng dầu	1.508.538.053	-	488.593.055	-
Tạm ứng	228.072.739	-	519.040.340	-
Phải thu khác	149.293.619	-	214.642.984	-
Tổng	87.004.974.728	-	65.099.105.900	-

(*) Phải thu tiền đầu tư cho các hộ nông dân trồng mía

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.6 Nợ xấu

	30/06/2017		01/07/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	11.876.615.253	5.849.181	11.901.012.935	2.759.732.341

(*) Công ty xác định có thể thu hồi các khoản nợ xấu bằng giá gốc của các khoản phải thu trừ dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi của các đối tượng này

Trong đó:	Quá hạn 1-30 ngày	Quá hạn 31-60 ngày	Quá hạn 61-90 ngày	Quá hạn trên 90 ngày
	VND	VND	VND	VND
- Công ty CP Xi măng Bắc Kạn				3.000.000.000
- Công ty CP XD Cầu đường 19				1.400.000.000
- Công ty CP nhựa Trường Thịnh				5.000.000.000
- Công ty TNHH TM Bình Anh				1.400.000.000
- Công ty TNHH TM Bình Anh				392.550.000
- Xí nghiệp nguyên liệu				385.905.253
- Trần Thị Lưu				176.000.000
- Công ty CP TM&DV Sơn Nam				40.000.000
- Công ty TNHH Thương mại Ngọc Quỳnh				62.160.000
- Công ty TNHH TM-XNK Thiết bị Vật tư MKC				20.000.000
Tổng	-	-	-	11.876.615.253

5.7 Hàng tồn kho

	30/06/2017		01/07/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	20.911.906.177	(671.430.526)	13.680.013.532	-
Thành phẩm	191.443.900.261	-	42.260.442.752	-
Hàng hoá	639.347.846	-	572.037.161	-
Tổng	212.995.154.284	(671.430.526)	56.512.493.445	-



5.8 Chi phí trả trước

	30/06/2017 VND	01/07/2016 VND
a) Ngắn hạn	435.374.665	85.791.606
Chi phí công cụ, dụng cụ	-	-
Chi phí sửa chữa tài sản	435.374.665	85.791.606
b) Dài hạn	2.958.145.453	621.482.359
Giải phóng mặt bằng bãi phế thải xây dựng, bãi ủ phân vi sinh, phá dỡ hàng rào, nhà vệ sinh	-	112.217.728
Sửa chữa bãi xe chở mía nguyên liệu	-	415.923.269
Cải tạo nhà nấu đường	-	93.341.362
Cao áp xịt rửa chuyên dụng	420.369.546	-
Màng chống thấm HDPE	242.836.363	-
CP sửa chữa nhà chứa bã	233.472.271	-
CP sửa chữa lợp mái kho, đổ bê tông rãnh nước	105.512.728	-
Vật tư đầu bơm cao áp	250.000.000	-
Sửa chữa lò hơi đốt đa nhiên liệu 33T	1.250.000.000	-
Di rời hồ nước thải	455.954.546	-
Tổng	3.393.520.118	707.273.965

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.9 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/07/2016	74.753.817.381	201.234.848.309	4.775.174.521	1.468.685.613	452.727.273	282.685.253.097
Tăng trong kỳ	38.271.015.622	213.050.599.598	219.300.000	66.000.000	-	251.606.915.220
Mua trong năm	-	213.050.599.598	219.300.000	66.000.000	-	213.335.899.598
Xây dựng hoàn thành	38.271.015.622	-	-	-	-	38.271.015.622
Giảm trong kỳ	-	2.264.610.000	-	-	-	2.264.610.000
Thanh lý, nhượng bán	-	2.264.610.000	-	-	-	2.264.610.000
Số dư tại 30/06/2017	113.024.833.003	412.020.837.907	4.994.474.521	1.534.685.613	452.727.273	532.027.558.317
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/07/2016	48.743.402.893	93.229.391.912	1.810.271.043	1.040.282.828	75.454.545	144.898.803.221
Tăng trong kỳ	5.860.705.478	22.554.623.589	559.747.002	66.086.856	64.675.325	29.105.838.250
Khấu hao trong kỳ	5.860.705.478	22.554.623.589	559.747.002	66.086.856	64.675.325	29.105.838.250
Giảm trong kỳ	-	521.815.883	-	-	-	521.815.883
Thanh lý, nhượng bán	-	521.815.883	-	-	-	521.815.883
Số dư tại 30/06/2017	54.604.108.371	115.262.199.618	2.370.018.045	1.106.369.684	140.129.870	173.482.825.588
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/07/2016	26.010.414.488	108.005.456.397	2.964.903.478	428.402.785	377.272.728	137.786.449.876
Tại 30/06/2017	58.420.724.632	296.758.638.289	2.624.456.476	428.315.929	312.597.403	358.544.732.729

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2017 là: 93.099.046.055 đồng

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 30/06/2017 là: 285.892.996.966 đồng



5.10 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm tin học	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/07/2016	864.984.705	564.682.069	1.429.666.774
Tăng trong kỳ	125.965.060	-	125.965.060
Tăng khác	125.965.060		125.965.060
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại 30/06/2017	990.949.765	564.682.069	1.555.631.834
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/07/2016	-	543.494.979	543.494.979
Tăng trong kỳ	-	21.187.090	21.187.090
Khấu hao trong kỳ		21.187.090	21.187.090
Số dư tại 30/06/2017	-	564.682.069	564.682.069
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/07/2016	864.984.705	21.187.090	886.171.795
Tại 30/06/2017	990.949.765	-	990.949.765

Quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng 24,7m2 đất tại 67 Phố Sơn Tây- Phường Kim Mã- Quận Ba Đình Hà Nội
- Quyền sử dụng 200m2 đất tại Tiểu khu I TT Hát Lót- Mai Sơn- Sơn La

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2017 là: 564.682.069 đồng

5.11 Tài sản dở dang dài hạn

	30/06/2017	01/07/2016
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
Dự án đầu tư nâng cấp thiết bị và sản xuất đường tỉnh lỵ 2015	1.842.477.398	24.597.509.132
Dự án nâng cấp dây chuyền 2016	8.595.739.641	7.825.000
Dự án hoàn thiện đường RE2016	542.889.147	-
Dự án 2017	1.342.299.029	-
Tổng	12.323.405.215	24.605.334.132

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.12 Phải trả người bán

	30/06/2017		01/07/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	36.897.674.406	36.897.674.406	10.716.765.516	10.716.765.516
- Công ty CP Công nghiệp Hiệp Thành	4.963.540.035	4.963.540.035	5.803.390.035	5.803.390.035
- Công ty TNHH Đức Toàn Tiến	33.115.500	33.115.500	3.094.066.064	3.094.066.064
- Công ty CP công nông nghiệp Tiến Nông	4.109.502.750	4.109.502.750	-	-
- Xí nghiệp nguyên liệu	95.591.050	95.591.050	46.996.072	46.996.072
- Đối tượng khác	27.695.925.072	27.695.925.072	1.772.313.345	1.772.313.345
Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	70.413.200	70.413.200
Công ty TNHH Kim Hà Việt	-	-	70.413.200	70.413.200
Tổng	36.897.674.406	36.897.674.406	10.716.765.516	10.716.765.516

5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/07/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	30/06/2017
	VND	VND	VND	VND
Phải nộp	2.317.088.928	13.342.612.661	14.871.000.136	788.701.453
Thuế giá trị gia tăng	652.309.291	9.670.730.918	10.323.040.209	-
Thuế XNK	-	57.473.375	57.473.375	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	575.297.421	312.594.436	262.702.985
Thuế thu nhập cá nhân	1.323.032.112	568.678.094	1.811.219.220	80.490.986
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	341.747.525	1.016.580.025	913.020.068	445.307.482
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	1.449.852.828	1.449.652.828	200.000

5.14 Chi phí phải trả

	30/06/2017	01/07/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	2.170.390.084	66.433.034
Trích trước chi phí lãi vay	440.721.068	66.433.034
Chi phí phải trả quản lý thu mua mía	1.729.669.016	-
Tổng	2.170.390.084	66.433.034



5.15 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	30/06/2017	01/07/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	1.349.274.328	2.113.441.271
- Tài sản thừa chờ giải quyết	902.547.605	-
- Kinh phí công đoàn	176.266.210	200.213.422
- Bảo hiểm xã hội	-	2.593.819
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	151.260.632	207.260.632
- Cửa hàng xăng dầu	-	198.620.009
- Xí nghiệp nguyên liệu	-	1.138.956.871
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	119.199.881	365.796.518
Tổng	1.349.274.328	2.113.441.271

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

Bảo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09- DN

5.16 Vay và Nợ thuê tài chính

	30/06/2017		Phát sinh trong năm		01/07/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	251.705.361.282	251.705.361.282	289.989.090.208	61.918.735.647	23.635.006.721	23.635.006.721
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sơn La (1)	236.105.361.282	236.105.361.282	274.389.090.208	61.918.735.647	23.635.006.721	23.635.006.721
Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) - Chi nhánh Sơn la (2)	15.600.000.000	15.600.000.000	15.600.000.000			-
b) Vay dài hạn	170.025.759.608	170.025.759.608	131.473.622.909	10.583.239.350	49.135.376.049	49.135.376.049
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sơn La (3)	170.025.759.608	170.025.759.608	131.473.622.909	10.583.239.350	49.135.376.049	49.135.376.049
Tổng	421.731.120.890	421.731.120.890	421.462.713.117	72.501.974.997	72.770.382.770	72.770.382.770

(1) Khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- Chi nhánh Sơn La theo Hợp đồng tín dụng số 04.28/2016-HĐTDHM/NHCT190-CTCPMIADUONGSONLA ngày 22/8/2016. Hạn mức 100 tỷ đồng. Thời gian duy trì hạn mức kể từ ngày 22/8/2016 đến 10/8/2017. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất 7%/năm và điều chỉnh sau 1 tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng hợp đồng thế chấp động sản số 04.29/2013/HĐTC-ĐS. Tài sản thế chấp là dây chuyền máy móc thiết bị chế biến đường (theo danh mục kèm theo), các thiết bị, linh kiện phụ tùng và các quyền, lợi ích, các khoản bồi hoàn và các khoản thanh toán khác liên quan tới tài sản trên.

Khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sơn La theo Hợp đồng tín dụng số 02.29/HĐTDHM/NHCT190-CTCPMIADUONGSONLA ngày 23/3/2017. Hạn mức không quá 100 tỷ đồng. Thời gian duy trì hạn mức đến hết ngày 10/8/2017. Thời hạn cho vay của từng khoản nợ tối đa không quá 12 tháng. Mục đích vay: Các khoản nợ được Bên vay sử dụng để đầu tư vùng nguyên liệu mía. Lãi suất là lãi ghi trên giấy nhận nợ. Khoản vay được bảo đảm bằng:

- hợp đồng thế chấp động sản số 04.29/2013/HĐTC-ĐS ngày 20/11/2013
- hợp đồng thế chấp động sản số 04.29/2013A/HĐTC-ĐS ngày 20/11/2013

Toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai từ Dự án 1 và Dự án 2

- Đồng thời áp dụng biện pháp đảm bảo bổ sung: Thế chấp hàng hóa luân chuyển, quyền đòi nợ phát sinh từ các HĐKT do NHCT tài trợ vốn

Khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sơn La theo Hợp đồng tín dụng số 05.29/2017 - HĐCVHM/NHCT190-CTCPMIADUONGSONLA ngày 23/3/2017. Hạn mức 300 tỷ đồng bao gồm cả dư nợ theo Hợp đồng tín dụng số 04.28/2016-HĐTDHM/NHCT190-CTCPMIADUONGSONLAF ngày 22/8/2016



và Hợp đồng tín dụng số 02.29/HĐTDHM/NHCT190-CTCPMIADUONGSONLA ngày 23/3/2017. Thời gian duy trì hạn mức đến hết tháng 6/2018. Thời hạn cho vay của từng khoản nợ tối đa không quá 12 tháng. Mục đích vay: Các khoản nợ được Bên vay sử dụng để đầu tư vùng nguyên liệu sản xuất mía. Lãi suất là lãi ghi trên giấy nhận nợ. Khoản vay được bảo đảm bằng:

- hợp đồng thế chấp động sản số 04.29/2013/HĐTC-ĐS ngày 20/11/2013
- hợp đồng thế chấp động sản số 04.29/2013A/HĐTC-ĐS ngày 20/11/2013

Toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai từ Dự án đầu tư nâng cấp thiết bị và sản xuất đường tinh luyện tại nhà máy đường Sơn la (Dự án 1). Dự án đầu tư nâng công suất dây chuyền chế biến đường ổn định (giai đoạn 2016-2018)

- Hợp đồng thế chấp động sản số 11A.29/2017/HĐTCĐS ngày 18/5/2017
- Hợp đồng thế chấp động sản số 11B.29/2017/HĐTCĐS ngày 18/5/2017

- Đồng thời áp dụng biện pháp đảm bảo bổ sung: Thế chấp hàng hóa luân chuyển, quyền đòi nợ phát sinh từ các HĐKT do NHCT tài trợ vốn

Khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sơn La theo Hợp đồng tín dụng số 06.29/2017 - HĐCVHM/NHCT190-CTCPMIADUONGSONLA ngày 23/3/2017. Hạn mức 300 tỷ đồng bao gồm cả dư nợ theo Hợp đồng tín dụng số 04.28/2016-HĐTDHM/NHCT190-CTCPMIADUONGSONLAF ngày 22/8/2016 và Hợp đồng tín dụng số 02.29/HĐTDHM/NHCT190-CTCPMIADUONGSONLA. Thời gian duy trì hạn mức đến hết tháng 25/6/2018. Thời hạn cho vay của từng khoản nợ tối đa không quá 6 tháng. Mục đích vay: Các khoản nợ được Bên vay sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất là lãi ghi trên giấy nhận nợ. Khoản vay được bảo đảm bằng:

- hợp đồng thế chấp động sản số 04.29/2013/HĐTC-ĐS ngày 20/11/2013
- hợp đồng thế chấp động sản số 04.29/2013A/HĐTC-ĐS ngày 20/11/2013

Toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai từ Dự án đầu tư nâng cấp thiết bị và sản xuất đường tinh luyện tại nhà máy đường Sơn la (Dự án 1). Dự án đầu tư nâng công suất dây chuyền chế biến đường ổn định (giai đoạn 2016-2018)

- Hợp đồng thế chấp động sản số 11A.29/2017/HĐTCĐS ngày 18/5/2017
- Hợp đồng thế chấp động sản số 11B.29/2017/HĐTCĐS ngày 18/5/2017

- Đồng thời áp dụng biện pháp đảm bảo bổ sung: Thế chấp hàng hóa luân chuyển, quyền đòi nợ phát sinh từ các HĐKT do NHCT tài trợ vốn

(2) Khoản vay của Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) - Chi nhánh Sơn la theo hợp đồng cấp tín dụng số 900006.16.785.2456994.TD ngày 9/11/2016. Hạn mức tín dụng: 50 tỷ đồng. Mục đích vay: Cấp tín dụng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh mía đường. Thời hạn cấp hạn mức: đến ngày 31/10/2017. Thời hạn rút vốn vay: Đến ngày 31/10/2017. Thời hạn của mỗi khoản vay trong hạn mức không quá 6 tháng /khế ước nhận nợ, được quy định cụ thể tại văn bản nhận nợ giữa MB và Khách hàng. Lãi suất theo từng khế ước nhận nợ.

(3) Bao gồm:

- Khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sơn La theo hợp đồng tín dụng số 22.17/2015 - HĐTDDA/NHCT190-CTCPMDSL ngày 01/12/2015, hạn mức tín dụng 96.000.000.000 đồng, mục đích dùng để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự Án: Đầu tư nâng cấp thiết bị ổn định công suất ép 2.500TMN và sản xuất đường tinh luyện tại nhà máy Đường Sơn La, thời hạn cho vay các khoản nợ là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất cho vay của khoản nợ là lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ, lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 9,5%/năm và chỉ có giá trị cho kỳ tính lãi đầu tiên đối với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký hợp đồng, lãi suất cho vay có thể được điều chỉnh theo các quy định tại hợp đồng, khoản vay được bảo đảm bằng biện pháp thế chấp toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai của dự án.

- Khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sơn La theo hợp đồng tín dụng số 03.28/2016 - HĐTDDA/NHCT190-CTCPMDSL ngày 22/8/2016, hạn mức tín dụng 120.000.000.000 đồng, mục đích dùng để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự Án: Đầu tư nâng công suất dây chuyền chế biến đường ổn định công suất 4.000TMN (giai đoạn 2016-2018) - Giai đoạn 1 (2016-2017) đạt công suất 3.000TMN. Thời hạn cho vay các khoản nợ là 96 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Thời gian ân hạn là 9 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất 8%/năm và có giá trị cho kỳ tính lãi đầu tiên đối với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký hợp đồng, sau đó lãi vay điều chỉnh 3 tháng 1 lần. Tài sản đảm bảo bao gồm: Máy móc, thiết bị, dây truyền sản xuất theo HĐTC số 04.29/2013/HĐTC-ĐS ngày 20/11/2013; QSD đất số 1597834, nhà xưởng, văn phòng làm việc và các tài sản gắn liền với đất theo HĐTC số 04.29A/2013/HĐTC-BĐS ngày 20/11/2013; Toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai từ Dự án 1 và Dự Án 2; Đồng thời áp dụng biện pháp đảm bảo bổ sung: thế chấp hàng hóa luân chuyển, quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng kinh tế do Ngân hàng tài trợ vốn.



5.17 Vốn chủ sở hữu

a. Tình hình biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2016	68.000.000.000	3.998.638.028	31.607.779.802	5.996.867.306	88.529.506.987	198.132.792.123
Tăng trong kỳ	-	-	5.000.000.000	803.132.694	105.493.042.462	111.296.175.156
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	105.493.042.462	105.493.042.462
Tăng khác	-	-	5.000.000.000	803.132.694	-	5.803.132.694
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	40.303.132.694	40.303.132.694
Trích quỹ	-	-	-	-	13.103.132.694	13.103.132.694
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	27.200.000.000	27.200.000.000
Số dư tại 30/06/2016	68.000.000.000	3.998.638.028	36.607.779.802	6.800.000.000	153.719.416.755	269.125.834.585
Số dư tại 01/07/2016	68.000.000.000	3.998.638.028	36.607.779.802	6.800.000.000	153.719.416.755	269.125.834.585
Tăng trong năm	13.599.830.000	-	5.000.000.000	-	163.073.846.511	181.673.676.511
Tăng vốn (1)	13.599.830.000	-	-	-	-	13.599.830.000
Lãi năm nay	-	-	-	-	163.073.846.511	163.073.846.511
Trích quỹ	-	-	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000
Giảm trong năm	-	-	-	-	30.400.000.000	30.400.000.000
Chi trả cổ tức (1)	-	-	-	-	20.400.000.000	20.400.000.000
Trích quỹ (1)	-	-	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000
Số dư tại 30/06/2017	81.599.830.000	3.998.638.028	41.607.779.802	6.800.000.000	286.393.263.266	420.399.511.096

(1) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016-2017 ngày 08/10/2016

**b. Chi tiết Vốn chủ sở hữu**

	30/06/2017	01/07/2016
	VND	VND
Bà Trần Thị Thái	22.383.793.367	18.653.200.000
Công ty TNHH Thái Liên	12.239.974.500	10.200.000.000
Cán bộ Công nhân viên và Cổ đông khác	46.976.062.133	39.146.800.000
Tổng	81.599.830.000	68.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/07/2016 đến 30/06/2017
	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	
Vốn góp tại ngày 01 tháng 07	68.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	13.599.830.000
Vốn góp giảm trong kỳ	-
Vốn góp tại ngày 30 tháng 06	81.599.830.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	20.400.000.000

d. Cổ phiếu

	30/06/2017	01/07/2016
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.159.983	6.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.159.983	6.800.000
Cổ phiếu phổ thông	8.159.983	6.800.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.159.983	6.800.000
Cổ phiếu phổ thông	8.159.983	6.800.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	30/06/2017	01/07/2016
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	41.607.779.802	36.607.779.802
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	6.800.000.000	6.800.000.000

**5.18 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/07/2016 đến 30/06/2017 VND
Doanh thu sản phẩm đường, mật rỉ	466.943.780.941
Doanh thu sản phẩm vi sinh, phân bón ủ men	7.045.416.772
Doanh thu xăng dầu	17.260.669.313
Doanh thu phân bón, thuốc trừ sâu, mía giống, xỉ tro	45.467.370.076
Doanh thu nông sản	851.549.719
Tổng	537.568.786.821

5.19 Giá vốn hàng bán

	Từ 01/07/2016 đến 30/06/2017 VND
Giá vốn sản phẩm đường, mật rỉ	277.908.016.610
Giá vốn sản phẩm vi sinh, phân bón ủ men	5.759.348.774
Giá vốn xăng dầu	16.311.705.836
Giá vốn phân bón, thuốc trừ sâu, mía giống, xỉ tro	40.643.414.247
Giá vốn nông sản	106.730.291
Tổng	340.729.215.758

5.20 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/07/2016 đến 30/06/2017 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	667.879.493
Lãi cho vay đầu tư vùng nguyên liệu	3.292.539.130
Lãi chuyển nhượng cổ phần	300.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.258.134.242
Tổng	7.518.552.865

5.21 Chi phí tài chính

	Từ 01/07/2016 đến 30/06/2017 VND
Chi phí lãi vay ngân hàng	15.808.469.054
Tổng	15.808.469.054



5.22 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Từ 01/07/2016
đến 30/06/2017
VND

a) Chi phí quản lý doanh nghiệp

21.908.676.278

Chi phí nhân viên quản lý

10.596.276.489

Chi phí vật liệu quản lý, công cụ

450.014.021

Chi phí đồ dùng văn phòng

199.283.273

Chi phí khấu hao TSCĐ

1.794.740.726

Thuế, phí và lệ phí

849.251.831

Chi phí dự phòng

1.229.485.478

Chi phí dịch vụ mua ngoài

2.475.565.270

Chi phí bằng tiền khác

4.314.059.190

b) Chi phí bán hàng

2.601.909.208

Chi phí nhân viên quản lý

409.110.480

Chi phí khấu hao

75.974.472

Chi phí dịch vụ mua ngoài

1.784.051.992

Chi phí khác bằng tiền

332.772.264

5.23 Thu nhập khác, chi phí khác

Từ 01/07/2016
đến 30/06/2017
VND

Thu nhập khác

Thanh lý TSCĐ, CCDC

3.400.058.182

Thu nhập khác

36.467.238

Tổng

3.436.525.420

Chi phí khác

Thanh lý tài sản

3.568.927.066

Tổng

3.568.927.066

Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)

(132.401.646)

**5.24 Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành****Từ 01/07/2016****đến 30/06/2017****VND**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành

575.297.421

Tổng**575.297.421****5.25 Lãi cơ bản trên cổ phiếu****Từ 01/07/2016****đến 30/06/2017****Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)****163.073.846.511**

Các khoản điều chỉnh:

*Các khoản điều chỉnh tăng**Các khoản điều chỉnh giảm***Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)****163.073.846.511**

Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)

-

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (Cổ phiếu)

7.649.524

Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)**21.318**

(*) Đại hội đồng cổ đông Công ty chưa xác định số quỹ khen thưởng phúc lợi phải trích trong năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2017. Do đó, cho mục đích tính lãi cơ bản trên cổ phiếu, Công ty chưa xác định số tiền để trích quỹ khen thưởng, phúc lợi để giảm trừ vào Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp.



5.26 Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Từ 01/07/2016 đến 30/06/2017 VND
Chi phí nguyên vật liệu	395.116.850.080
Chi phí nhân công	25.113.414.384
Chi phí dự phòng	1.229.485.478
Chi phí khấu hao tài sản cố định	29.127.025.340
Chi phí công cụ, dụng cụ	219.083.273
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.623.055.351
Chi phí khác bằng tiền	4.646.831.454
Tổng	470.075.745.360

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Thông tin về các bên liên quan

a. Các giao dịch với nhân sự chủ chốt và cổ đông

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Từ 01/07/2016 đến 30/06/2017 VND
Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	Thù lao	839.000.000
Ban Giám đốc	Lương	342.537.296

b. Số dư với các bên liên quan

Các khoản phải trả	Tính chất giao dịch	30/06/2017 VND	01/07/2016 VND
Công ty TNHH Kim Hà Việt-	Phải trả	-	459.520.000
Thành viên gia đình cổ đông lớn	Trả trước	-	3.759.040.507
		30/06/2017	01/07/2016
Các khoản phải thu	Tính chất giao dịch	VND	VND
Công ty TNHH Kim Hà Việt-	Phải thu tiền hàng	46.735.223.699	32.035.229.553
Thành viên gia đình cổ đông lớn			

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN



c. Giao dịch với các bên liên quan

Bán hàng	Tính chất giao dịch	Từ 01/07/2016 đến 30/06/2017
		VND
Công ty TNHH Thái Liên- Bên góp vốn	Bán hàng Lãi chậm trả tiền hàng	64.273.034.000 -
Công ty TNHH Kim Hà Việt- Thành viên gia đình cổ đông lớn	Bán hàng Lãi chậm trả tiền hàng	66.070.704.480 240.224.166

6.2 Báo cáo bộ phận

Kỳ này	Doanh thu theo bộ phận	Chi phí theo bộ phận	Kết quả kinh doanh theo bộ phận
	VND	VND	VND
Doanh thu sản phẩm đường, mật ri	466.686.257.131	277.908.016.610	188.778.240.521
Doanh thu sản phẩm vi sinh, phân bùn ủ men	7.045.416.772	5.759.348.774	1.286.067.998
Doanh thu xăng dầu	17.260.669.313	16.311.705.836	948.963.477
Doanh thu phân bón, thuốc trừ sâu, mía giống, xỉ tro	45.467.370.076	40.643.414.247	4.823.955.829
Doanh thu nông sản	851.549.719	106.730.291	744.819.428
Cộng	537.311.263.011	340.729.215.758	196.582.047.253

6.3 Công cụ tài chính – Quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2017	01/07/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.645.337.844	24.913.023.046
Phải thu khách hàng và phải thu khác	199.652.837.737	89.825.583.077
Đầu tư ngắn hạn	-	-
Đầu tư dài hạn	-	3.000.000.000
Tổng	222.298.175.581	117.738.606.123
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	421.731.120.890	72.770.382.770
Phải trả người bán và phải trả khác	38.246.948.734	12.830.206.787
Chi phí phải trả	2.170.390.084	66.433.034
Tổng	462.148.459.708	85.667.022.591

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

6.3 Công cụ tài chính – Quản lý rủi ro (Tiếp theo)**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không thực hiện các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.



Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu chủ yếu là của các khách hàng luân chuyển liên tục và thường xuyên đối chiếu công nợ.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.



6.3 Công cụ tài chính – Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
30/06/2017			
Các khoản vay	251.705.361.282	170.025.759.608	421.731.120.890
Phải trả người bán và phải trả khác	38.246.948.734	-	38.246.948.734
Chi phí phải trả	2.170.390.084	-	2.170.390.084
Công nợ khác	32.121.496.152	-	32.121.496.152
01/07/2016			
Các khoản vay	23.635.006.721	49.135.376.049	72.770.382.770
Phải trả người bán và phải trả khác	12.830.206.787	-	12.830.206.787
Chi phí phải trả	66.433.034	-	66.433.034
Công nợ khác	52.268.164.542	-	52.268.164.542

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
30/06/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.645.337.844	-	22.645.337.844
Phải thu khách hàng và phải thu khác	199.652.837.737	-	199.652.837.737
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	-	-
01/07/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.913.023.046	-	24.913.023.046
Phải thu khách hàng và phải thu khác	89.825.583.077	-	89.825.583.077
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	3.000.000.000	3.000.000.000

6.4 Thông tin so sánh

Số liệu tại ngày 01/07/2016 là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội.

Công ty áp dụng năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017 là năm đầu tiên nên không có số liệu so sánh kết quả kinh doanh năm trước.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN



Sơn La, ngày 08 tháng 09 năm 2017

Người lập biểu

Trưởng phòng TCKT

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thu Hồng

Nguyễn Thị Khương

Trần Ngọc Hiếu